Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

TỰ DO HOÁ TÀI CHÍNH TRONG KHUÔN KHỔ WTO

CỦA HÀN QUỐC - BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Sinh viên thực hiện : Lê Thị Thanh Thảo

Lớp : Anh 10

Khoá : K43C

Giáo viên hướng dẫn : TS. Đặng Thị Nhàn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

HÀ NỘI,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hàn Quốc, từng được biết đến là một quốc gia nông nghiệp nghèo nàn vào thập kỷ 60, đã mạnh dạn thực hiện chiến lược phát triển hướng ra bên ngoài, nhờ thế Hàn Quốc đã phát triển rất nhanh, trở thành một trong những nền kinh tế thần kỳ Đông Á và đã trở thành thành viên của GATT từ năm 1967 và được gia nhập Tổ chức phát triển kinh tế OECD vào năm 1996.

Dưới sức ép từ bên ngoài (chủ yếu là từ Mỹ) và xuất phát từ chính nhu cầu nội tại của nền kinh tế trong nước, Hàn Quốc đã bắt đầu thực hiện tự do hóa tài chính từ đầu những năm 80 của thế kỷ 20 với mục đích củng cố hệ thống tài chính còn nhiều hạn chế nhằm phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, quá trình tự do hóa tài chính không đồng bộ, thiếu sự nhất quán, trong nhiều thời điểm còn bộc lộ sự nóng vội, chủ quan đã khiến Hàn Quốc lâm vào khủng hoảng tài chính châu Á 1997- 1998.

Tuy nhiên, Hàn Quốc một lần nữa lại khiến thế giới phải kinh ngạc khi nhanh chóng thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng tài chính nhờ thực hiện những biện pháp tự do hóa tài chính táo bạo theo các cam kết trong WTO. Chỉ một năm sau cuộc khủng hoảng, Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện mở cửa rộng rãi cho sự tham gia của nước ngoài. Tuy nhiên, khác với thời kỳ trước, Hàn Quốc đã nhanh chóng mở cửa với một lộ trình hợp lý và vẫn duy trì được sự kiểm soát nhất định của Chính phủ nên tự do hóa giai đoạn này đã đạt được thành công lớn, góp phần đưa nước này sớm ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục phát triển kinh tế. Và hiện nay, Hàn Quốc đã trở thành một trong những nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới.

Như chúng ta đã biết, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO kể từ ngày 11/1/2007. Hiện Việt Nam cũng đang trong quá trình thực hiện các cam kết về tự do hóa tài chính theo WTO. Là một quốc gia đang phát triển, với mức cam kết được các chuyên gia đánh giá là tương đối mở, chắc chắn Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn khi các doanh nghiệp nước ngoài với nhiều lợi thế hơn tham gia tích cực vào thị trường tài chính Việt Nam.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Việt Nam và Hàn Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1992. Kể từ đó hai nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong hợp tác kinh tế, chính trị, văn hóa... Hàn Quốc đã trở thành đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam, hiện là quốc gia đứng đầu trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng đã rất thiện chí chia sẻ kinh nghiệm thực hiện tự do hóa tài chính của mình với Việt Nam thông qua các hội thảo.

Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề này, em đã mạnh dạn chọn đề tài "Tự do hóa tài chính của Hàn Quốc_Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam" để nghiên cứu trong khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài: là nhằm tìm hiểu về cam kết tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO của Hàn Quốc cũng như những thành công và hạn chế của nước này trong quá trình thực hiện cam kết đó. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt nam trong tiến trình tự do hóa tài chính theo các cam kết trong WTO có hiệu lực ngay khi Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức này vào ngày 11/1/2007.

Để thực hiện được mục tiêu đó, Khóa luận tốt nghiệp này thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Khái quát một số vấn đề lý luận về tự do hóa tài chính nói chung và tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO.

- Nghiên cứu bản cam kết cụ thể về dịch vụ tài chính của Hàn Quốc trong WTO.

- Phân tích, đánh giá thực trạng tự do hóa tài chính của Hàn Quốc theo các cam kết trong WTO; từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong tiến trình thực hiện các cam kết tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO.

- Nghiên cứu nội dung cam kết tự do hóa tài chính theo WTO của Việt Nam kết hợp so sánh với cam kết của Hàn Quốc.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Đánh giá thực trạng tự do hóa tài chính tại Việt Nam sau khi gia nhập WTO và đưa ra một số kiến nghị mang tính giải pháp nhằm thúc đẩy tiến trình tự do hóa tài chính của Việt Nam trong thời gian tới.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

3. Phƣơng pháp nghiên cứu

Kết hợp phương pháp miêu tả với phương pháp tổng hợp số liệu từ các nguồn: sách, báo, tạp chí chuyên ngành, internet…và phân tích hê thống

4. Kết cấu của khóa luận

Khóa luận gồm 3 chương với những nội dung chính như sau:

Chương I: Tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO

Chương II: Tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO của Hàn Quốc_Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Chương III: Một số kiến nghị mang tính giải pháp cho tiến trình tự do hóa tài chính của Việt Nam theo WTO nhìn từ kinh nghiệm Hàn Quốc.

Do còn hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên khóa luận này không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của những người quan tâm giúp em bổ sung, hoàn thiện kiến thức cho mình.

Em xin trân trọng cảm ơn TS. Đặng Thị Nhàn, Khoa Tài chính- Ngân hàng đã hết lòng hướng dẫn em thực hiện khóa luận này. Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cơ quan hữu quan như Viện nghiên cứu quản lí kinh tế Trung ương, Viện kinh tế thế giới, Viện nghiên cứu Đông Bắc Á đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian tham khảo, tìm hiểu tài liệu, thu thập kiến thức để hoàn thành khóa luận.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

CHƯƠNG I: TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH TRONG KHUÔN KHỔ WTO

I. Khái niệm tự do hóa tài chính

1. Khái niệm

Xu hướng phổ biến trong mọi nền kinh tế thị trường là khi biên độ tự do hoá đầu tư, tự do hoá thương mại càng được mở rộng, thì tất yếu phải nới rộng tự do hoá tài chính. Xu hướng này đang và sẽ diễn ra với cường độ ngày càng mạnh ở Việt Nam, cùng với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập sâu vào thị trường thế giới.

Về khái niệm, theo các chuyên gia, tự do hoá tài chính (TDHTC) là giảm thiểu sự can thiệp của Nhà nước vào các quan hệ và giao dịch tài chính; các hoạt động tài chính được tự do thực hiện theo tín hiệu thị trường. Nói theo một cách khác, TDHTC là quá trình nới lỏng những hạn chế về các quyền tham gia thị trường cho các bên tìm kiếm lợi ích trong phạm vi kiểm soát được của pháp luật. Không thể có tài chính tự do hoá hoàn toàn ở bất kỳ một tổ chức hay quốc gia nào. Cách thức, trình tự, mức độ tiến hành tự do hóa tài chính ở các quốc gia là khác nhau, phụ thuộc vào xuất phát điểm, điều kiện của mỗi nước song về cơ bản thì nội dung tự do hóa tài chính là giống nhau.

Tự do hóa tài chính có thể chia theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Theo chiều dọc, tự do hóa tài chính có thể chia thành tự do hóa trên thị trường tiền tệ và tự do hóa trên thị trường vốn. Theo chiều ngang thì tự do hóa tài chính được chia thành tự do hóa tài chính trong nước và tự do hóa tài chính quốc tế.

1.1. Tự do hóa tài chính trong nước

Mục đích chính của tự do hóa tài chính trong nước là có được một thị trường tài chính tự do. Nội dung của tự do hóa tài chính trong nước là tự do hóa lãi suất, bãi bỏ kiểm soát tín dụng.

1.1.1. Tự do hóa lãi suất

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tự do hóa lãi suất được hiểu là nhà nước cho phép các ngân hàng, các tổ chức tài chính được quyền tự do xác định các mức lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay cũng như tự do ấn định các mức phí đối với hoạt động dịch vụ tài chính của mình.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Cuối thập kỷ 70 và đầu 80 của thế kỷ XX, tự do hóa lãi suất mới thực sự được đẩy mạnh ở các nước phát triển. Ví dụ như năm 1963, Mỹ vẫn áp dụng "quy chế Q" khống chế trần lãi suất tối đa đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức nhận tiền gửi của Mỹ. Hay như ở Pháp, ngân hàng trung ương chỉ xóa hạn mức tín dụng và lãi suất trần vào năm 1986- 1987. Tại Nhật Bản, chính sách lãi suất và hạn mức tín dụng được áp dụng tới tận đầu những năm 1990 và phải đến giữa năm 1994 thì chính phủ Nhật Bản mới bắt đầu thực hiện chương trình cải cách tài chính và tập trung vào tự do hóa lãi suất.

Tháng 9/2000, tại Trung Quốc, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) đã lên kế hoạch 3 năm để tự do hóa lãi suất. Các hạn chế đối với việc cho vay bằng ngoại tệ đã được loại bỏ ngay lập tức và tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ tăng lên. Theo kế hoạch, bước tiếp theo là tự do hóa lãi suất cho vay bằng đồng bản tệ. Sự nới lỏng các hạn chế về lãi suất tiền gửi bằng bản tệ là bước cuối cùng. Giữa năm 2005, PBOC tuyên bố Trung Quốc về cơ bản đã đạt được mục tiêu tự do hóa lãi suất và sẽ duy trì mức trần và mức sàn lãi suất trong một thời gian nữa.

Tự do hóa lãi suất được coi là hạt nhân và là vấn đề cốt lõi của tự do hóa tài chính bởi nhờ đó, các luồng tài chính được vận động một cách thống nhất. Tự do hóa lãi suất nói riêng và tự do hóa tài chính nói chung là một xu thế khách quan. Tuy nhiên, quá trình tự do hóa lãi suất phải là một quá trình chuyển đổi từng bước để không gây tác động đột biến cho nền kinh tế.

1.1.2. Nới lỏng kiểm soát tín dụng

Là việc xóa bỏ các hạn chế, định hướng hay ràng buộc về số lượng trong quá trình cấp cũng như phân phối tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng và mở rộng tín dụng cho mọi thành phần kinh tế.

Việc nới lỏng kiểm soát tín dụng đã được các nước trên thế giới thực hiện. Ví dụ như tại Hàn Quốc, cho đến tận cuối những năm 1980, Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) chủ yếu vẫn dựa vào yêu cầu dự trữ bắt buộc để kiểm soát thị trường tiền tệ. BOK đã tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các khoản tiền gửi lên 11.5% vào cuối những năm 80 để giảm bớt lượng tiền mặt do thặng dư tài khoản vãng lai. Song, do dự trữ bắt buộc làm tăng thêm chi phí đối với các trung gian tài

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

chính nên BOK lại từng bước giảm dần vai trò của nó. Dự trữ bắt buộc đối với các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn đã giảm còn 9% vào 4/1996 và 7% vào tháng 11 năm đó. Vào tháng 2/1997, dự trữ bắt buộc một lần nữa được giảm còn 5% đối với các khoản tiền gửi không kỳ hạn và 2% đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

1.2. Tự do hóa tài chính quốc tế

1.2.1. Mở cửa khu vực dịch vụ tài chính

Đó là sự mở cửa hoạt động dịch vụ tài chính với thế giới. Nội dung cụ thể của nó là tự do hóa hoạt động của các dịch vụ tài chính, bãi bỏ các quy định cấm đoán, hạn chế mang tính chất hành chính đối với hoạt động của các tổ chức tài chính nước ngoài. Môi trường pháp lý của quốc gia phải phù hợp với thông lệ quốc tế. Mở cửa dịch vụ tài chính không có nghĩa là thả nổi mà chính phủ vẫn phải tiếp tục giám sát khu vực này.

Tác động của việc mở cửa lĩnh vực dịch vụ tài chính:

- Tăng áp lực cạnh tranh khiến khu vực dịch vụ tài chính hoạt động hiệu quả hơn, giúp các tổ chức tài chính nội địa có điều kiện cải thiện năng lực quản lý.

- Tăng chất lượng dịch vụ tài chính do bao cấp độc quyền được loại bỏ. Người tiêu dùng có cơ hội sử dụng các dịch vụ đa dạng với chi phí thấp.

- Tạo điều kiện thiết lập chính sách kinh tế vĩ mô có hiệu quả hơn phù hợp với những điều kiện phân bổ các nguồn lực một cách có hiệu quả thông qua việc khai thác tối đa lợi thế kinh tế trong nước và thế giới.

Tuy nhiên, mở cửa lĩnh vực dịch vụ tài chính cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với các tổ chức tài chính trong nước, đòi hỏi phải có trình độ ngang tầm quốc tế nếu như không muốn thua thiệt ngay trên sân nhà.

1.2.2. Tự do hóa tỷ giá

Tự do hóa tỷ giá là việc nhà nước điều hành tỷ giá một cách linh hoạt, xóa bỏ việc đưa ra tỷ giá cố định.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Trước 1976, hệ thống tiền tệ Bretton Woods (1944- 1971) quy định các nước thành viên IMF phải cam kết gắn đồng tiền của mình với đồng USD, hình thành một tỷ giá trung tâm với USD và chỉ được phép dao động trong biên độ cộng trừ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1%. Năm 1971, hệ thống này đã bị sụp đổ với nguyên nhân chính là do hệ thống tiền tệ này quá phụ thuộc vào sự ổn định của đồng USD. Sau năm 1976, đặc trưng cơ bản của hệ thống tiền tệ thế giới là chế độ tỷ giá thả nổi. Những thay đổi của tỷ giá chủ yếu là do các yếu tố thị trường, một phần nhỏ mới là do sự điều tiết của Ngân hàng trung ương.

Gần đây, Trung Quốc mới quyết định thả nổi đồng nhân dân tệ. Ngày 21/7/2005 trong một thông báo bất ngờ, Trung Quốc đã tuyên bố thả nổi đồng nhân dân tệ. Quyết định này của NHTW Trung Quốc bao gồm bốn nội dung chủ yếu: thứ nhất, bãi bỏ chế độ ngoại hối cố định mà họ đã thiết lập từ năm 1994 bằng cách thả nổi đồng nhân dân tệ lên xuống theo quy luật cung cầu; thứ hai, Trung Quốc không ràng buộc đồng nhân dân tệ vào đô la Mỹ mà vào một rổ tiền tệ; thứ ba, điều chỉnh tỷ giá đồng nhân dân tệ từ mức 8,24- 8,26 NDT/USD duy trì trong nhiều năm qua lên 8,11 NDT/USD, tức là nâng giá đồng nhân dân tệ lên khoảng 2,1%; thứ tư, đưa ra một biên độ giao dịch của đồng nhân dân tệ trong khoảng trên dưới 0.3%.

1.2.3. Tự do hóa tài khoản vốn

Tự do hóa tài khoản vốn được hiểu là sự nới lỏng một phần hay hoàn toàn các quy chế kiểm soát các hoạt động liên quan đến các danh mục trên tài khoản vốn như: vốn đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, các nguồn đầu tư vào sản xuất kinh doanh, tín phiếu… Các luồng vốn đầu tư khi vào và ra khỏi một nước đều chịu sự kiểm soát và các quy định của chính phủ nước đó. Do vậy, tự do hóa tài khoản vốn còn được hiểu là việc nới lỏng các điều kiện về di chuyển dòng vốn. Tự do hóa tài khoản vốn được thể hiện thông qua chính sách thu hút đầu tư, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, chính sách khuyến khích xuất nhập khẩu của mỗi nước.

Vào những năm 1980, nhiều nước phát triển đã có những tiến triển trong việc thực hiện tự do hóa di chuyển luồng vốn. Gần như mọi kiểm soát về vốn đã được loại bỏ giữa các nước công nghiệp và do đó không có một rào cản chính thức nào cho việc di chuyển vốn qua biên giới quốc gia. Điều này tương phản với giai đoạn những năm 1960 và 1970, khi mà hầu hết các nước đều duy trì chế độ kiểm soát chặt chẽ.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Kiểm soát tài khoản vốn ngày càng giảm và thay vào đó là xu thế tự do hóa tài khoản vốn. Xu hướng này diễn ra tại các nước công nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn so với các nước đang phát triển. Đến cuối những năm 90, tại các nước công nghiệp phát triển gần như là hoàn toàn tự do tài khoản vốn

2. Tác động của tự do hóa tài chính

2.1. Lợi ích của tự do hóa tài chính

Nhìn từ góc độ kinh tế, hoạt động dịch vụ tài chính cũng giống như các hoạt động trao đổi mua bán các hàng hoá và dịch vụ khác, có thể có những tác động tích cực đến thu nhập và sự tăng trưởng của tất cả các đối tác tham gia. Lợi ích của việc tự do hoá các hoạt động thương mại trong lĩnh vực dịch vụ tài chính có thể được nhìn nhận trên một số giác độ sau:

a. Tự do hoá tài chính sẽ tăng thêm áp lực cạnh tranh làm cho khu vực dịch vụ tài chính hoạt động có hiệu quả và ổn định hơn, đồng thời giúp các tổ chức tài chính nội địa có điều kiện cải thiện năng lực quản lý.

b. Tự do hoá tài chính sẽ làm tăng thêm chất lượng các dịch vụ tài chính được cung cấp (do sự độc quyền bị loại bỏ). Người tiêu dùng có thể được hưởng những sản phẩm dịch vụ mới, đa dạng, tiện ích với chi phí và thời gian ít nhất.

c. Tự do hoá các dịch vụ tài chính đem đến nhiều cơ hội cho việc chuyển giao công nghệ và làm giảm thiểu những rủi ro có tính hệ thống.

d. TỰ do hoá các dịch vụ tài chính tạo điều kiện cho việc thiết lập một chính sách kinh tế vĩ mô có hiệu quả hơn phù hợp với những điều kiện trong một nền kinh tế mở, trên cơ sở đó thực hiện phân phối nguồn lực một cách có hiệu quả trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế kinh tế trong nước và thế giới.

Kết quả của nhiều nghiên cứu đã cho thấy những lợi ích đề cập trên đây là thực tế. Một nghiên cứu của các nhà kinh tế học thuộc Ban thư ký của WTO (năm 1997) đã kết luận rằng việc mở cửa thị trường dịch vụ tài chính ở các nước theo đuổi chính sách mở cửa đã có tác dụng đáng kể trong việc thúc đẩy

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cạnh tranh và nâng cao hiệu quả. Do đó, chi phí dịch vụ giảm đi đáng kể, chất lượng dịch vụ được nâng cao, các loại hình dịch vụ được đa dạng hoá và khách

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hàng được tiếp cận với các loại hình dịch vụ một cách nhanh nhất. Việc mở cửa thị trường tài chính tại các nước này cũng đồng thời góp phần củng cố lại các tổ chức trung gian tài chính và tạo nhiều cơ hội hơn cho các nhà đầu tư, thông qua việc nâng cao hiệu lực quản lý và giảm nhiều rủi ro. Việc mở cửa thị trường dịch vụ tài chính ở hầu hết các nước cũng góp phần thúc đẩy chính phủ các nước chủ nhà cải tiến phương pháp quản lý vĩ mô nền kinh tế và thay đổi cách thức can thiệp vào thị trường, đồng thời thúc đẩy việc hoàn thiện hành lang pháp lý và hệ thống kiểm tra, giám sát của chính phủ đối với những lĩnh vực dịch vụ này.

Các nhà nghiên cứu lập luận rằng sở dĩ tự do hoá tài chính có tác động tích cực đến nền kinh tế chính là nhờ tác động lợi thế của kinh tế quy mô (Economy of scale), do vậy các tổ chức tài chính có thể hạ giá thành phục vụ. Bên cạnh đó, việc loại bỏ yếu tố độc quyền, tăng cường sự cạnh tranh là nhân tố có tính quyết định trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình sản phẩm và mở rộng cơ hội lựa chọn cho người tiêu dùng.

Một nghiên cứu được thực hiện ở Mỹ nhằm xem xét tác động của cải cách trong lĩnh vực Ngân hàng theo hướng mở cửa thị trường vào những năm 1970 và 1980 cho thấy: việc cải cách đó đã góp phần làm tăng trưởng khoảng 0,5 đến 1,2% tổng sản phẩm quốc nội trong khoảng thời gian 10 năm sau khi cải cách được thực hiện (theo Jayaratune và Strahan, 1996).

Năm 1997, Bộ trưởng ngân khố Mỹ - Robert E. Rubin đưa ra kế hoạch nhằm hiện đại hoá hệ thống dịch vụ tài chính ở Mỹ và phác thảo những lợi ích của kế hoạch dựa trên những tính toán thực tế như sau:

Thời gian trước đây, khi chúng ta cho phép cạnh tranh mạnh hơn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, người tiêu dùng đã được hưởng những lợi ích đáng kể... Năm 1995 giới tiêu dùng Mỹ chi phí vào khoảng 300 tỷ đôla vào các hoạt động bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng và môi giới chứng khoán. Giả sử rằng, do kết quả cạnh tranh của kế hoạch hiện đại hoá hoạt động dịch vụ tài chính mà chi phí dịch vụ đối với người tiêu dùng có thể giảm đi 1% thì cũng đã tiết kiệm được khoảng 3 tỷ đôla một năm. Tuy nhiên dựa trên những cơ sở thực tế, tỷ lệ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

tiết kiệm chi phí hoàn toàn có thể đạt đến mức 5% - tức là vào khoảng 15 tỷ đôla mỗi năm - một con số hoàn toàn không nhỏ đối với nền kinh tế, (Robin, 1997).

Tương tự như vậy, một loạt các nghiên cứu thực hiện ở Châu Âu và Mỹ cũng chỉ ra rằng: ngành ngân hàng có thể giảm bớt chi phí, nâng cao lợi nhuận khoảng từ 20 đến 50% thông qua việc nâng cao hiệu quả của các loại dịch vụ được cung cấp. Các cơ quan quản lý và kiểm soát ngân hàng quốc gia cũng có thể nâng cao hiệu quả với mức độ tương tự do phát huy lợi thế của kinh tế quy mô trong hoạt động chi trả và thanh toán (Berger, Hunterr và Timme 1993).

Cho đến nay những nghiên cứu về hiệu quả của các tổ chức tài chính ở những thị trường mới nổi chưa có nhiều. Song, một số kết quả điều tra đã cho thấy, tiềm năng nâng cao hiệu quả và giảm thiểu chi phí thông qua mở rộng cạnh tranh là rất lớn. Khả năng lợi ích mang lại càng cao nếu hệ thống tài chính có khả năng cạnh tranh càng lớn.

Tóm lại, lợi ích tối thượng của tự do hoá tài chính là tạo ra một sự cạnh tranh bình đẳng trong một thị trường trước đây vốn được đặc trưng bằng những yếu tố độc quyền. Cạnh tranh chính là động lực thúc đẩy việc giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng phục vụ, phân tán rủi ro và tạo cơ hội phát huy lợi thế kinh tế quy mô, tăng cường chuyển giao công nghệ và tạo môi trường thay đổi chính sách quản lý vĩ mô nền kinh tế. Trên cơ sở đó, tăng cường năng lực cạnh tranh và sẵn sàng đối phó với những bất thường có thể xảy ra trên bình diện quốc tế.

2.2. Hạn chế của tự do hóa tài chính

Tiềm năng lợi ích của tự do hoá tài chính là rất lớn, tuy nhiên tự do hoá tài chính cũng có những mặt trái nhất thiết phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, đặc biệt trong điều kiện xu thế tự do hoá tài chính cũng mới chỉ dừng lại ở những bước đi ban dầu. Những hạn chế của tự do hoá tài chính thông thường được nhìn nhận trên hai giác độ:

Thứ nhất, tự do hoá tài chính có thể làm tăng thêm khả năng gây ra khủng hoảng tài chính nếu tiến trình tự do hoá được thực hiện một cách nôn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nóng, sai trình tự hoặc thiếu đồng bộ trong các biện pháp quản lý vĩ mô ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế.

Mở cửa thị trường tài chính và khủng hoảng tài chính ngân hàng đã từng là nỗi ám ảnh tưởng như có mối quan hệ nhân quả đối với các nước thi hành chính sách này trong khoảng thời gian trước đây. Một nghiên cứu phân tích về các cuộc khủng hoảng ngân hàng trên thế giới đã cho thấy 18 trong 25 trường hợp được nghiên cứu, khủng hoảng tài chính đã diễn ra theo sau việc tự do hoá tài chính khoảng 5 năm. Do vậy, nhiều người cho rằng khủng hoảng ngân hàng là sự kiện kéo theo của cải cách hệ thống tài chính theo hướng mở cửa. Thậm chí, nhiều chính phủ cho rằng đó là cái giá phải trả của tự do hoá tài chính. Trớ trêu thay, nhận định này dường như được minh chứng bởi các cuộc khủng hoảng ngân hàng diễn ra ở Argentina, Brazil, Chile trong những năm 70, khủng hoảng tiền tệ ở Mexico năm 1994 - 1995 và Thái Lan năm 1997. Những cuộc khủng hoảng như vậy đã làm cho chính phủ của các nước Đông Nam á tỏ ra thận trọng khi cân nhắc vấn đề cải cách, mở cửa và tự do hoá tài khoản vốn.

Tuy nhiên, theo nhiều nhà nghiên cứu, việc mở cửa thị trường tài chính, bản thân nó thực chất không phải là nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng tài chính - ngân hàng . Việc cải cách hệ thống tài chính và tự do hoá có chăng chỉ lật tẩy và làm trầm trọng thêm những yếu kém trong thể chế và các chính sách tài chính vĩ mô vốn dĩ đã tiềm ẩn, và do đó làm tăng thêm rủi ro của việc dẫn đến khủng hoảng tài chính. Những cải cách tài chính theo hướng mở cửa đã diễn ra ở những nước này thực chất không gây cản trở hoặc làm phương hại đến lợi ích thực, mà chỉ góp phần phơi bày những điểm yếu của hệ thống tài chính nội địa trước những điều kiện của hệ thống tài chính quốc tế mà thôi.

Năm 1995, hai nhà nghiên cứu Kamisky và Reinhart cùng một số nhà nghiên cứu khác đã xác định một loạt các nhân tố đằng sau những vụ đổ vỡ ngân hàng trên thế giới. Những nhân tố này gồm: sự không ổn định có tính vĩ mô như sự thất thường của hoạt động thương mại; tính áp đặt trong chính sách tỷ giá và lãi suất; sự bùng nổ của hoạt động cho vay; sự sụt giá tài sản, sự du

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nhập vốn một cách ồ ạt; sự chuẩn bị chưa kỹ lưỡng để sẵn sàng tiến hành mở cửa, và sự không tuân thủ tính logic và trình tự của những cải cách tài chính.

Nói cách khác, nguyên nhân chính của các cuộc khủng hoảng tài chính lại chính là những yếu kém tiềm ẩn của hệ thống ngân hàng, sự thiếu lành mạnh của hệ thống chính sách quản lý vĩ mô, sự thiếu vắng của một chế độ giám sát, kiểm tra có hiệu quả và sự sai lệch trong đường lối cải cách, chứ không phải xuất phát từ bản thân quá trình tự do hoá tài chính.

Thứ hai, việc mở cửa thị trường tài chính có thể có nguy cơ làm xao nhãng hoặc thiếu tập trung trong việc điều hành để thực hiện những mục tiêu chiến lược của một quốc gia.

Thông thường, tài chính được coi là công cụ quản lý chiến lược và là lĩnh vực đặc biệt cần được nắm giữ bởi Nhà nước để thực hiện những mục đích quan trọng của một quốc gia chẳng hạn như những vấn đề xã hội. Tuy nhiên, khi mở cửa thị trường tài chính mục tiêu đó khó có thể đạt được vì các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài sẽ không quan tâm đến một mục đích nào khác hơn là mục đích lợi nhuận. Đặc biệt, trong điều kiện hệ thống tài chính nội địa có khả năng cạnh tranh kém, nền tài chính có nguy cơ bị thống trị bởi các tổ chức, doanh nghiệp tài chính nước ngoài thì quyền lực kiểm soát, khống chế và điều khiển thị trường tài chính của Nhà nước sẽ dần bị thu hẹp lại, và do đó có thể phương hại đến mục tiêu chiến lược của quốc gia. Hơn nữa, việc mở cửa thị trường tài chính nếu không được chuẩn bị kỹ lưỡng có thể sẽ dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực, thiếu lành mạnh như lừa đảo, phá sản, đổ vỡ... gây thiệt hại đến lợi ích của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, theo lập luận của nhiều nhà nghiên cứu, sự thâm nhập của các tổ chức tài chính nước ngoài có thể đưa đến những lợi ích đáng kể (như đã đề cập ở trên). Hơn nữa, những mặt trái của việc mở cửa thị trường tài chính có thể được khống chế hoặc hạn chế ở mức thấp nhất nếu năng lực cạnh tranh của hệ thống tài chính nội địa được cải thiện đáng kể trước khi tiến hành mở cửa. Khả năng đó là hiện thực nếu nó được trợ giúp bởi một chế độ giám sát kiểm tra thận trọng có hiệu quả và một trình tự mở cửa hợp lý . Nói cách khác, việc

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

có tận dụng được những lợi ích tiềm năng đó với một chi phí thấp nhất hay không, hoàn toàn phụ thuộc vào đường lối cải tổ của chính sách các nước theo đuổi chính sách mở cửa đó.

Trên thực tế, có rất ít những bằng chứng chứng minh rằng sự có mặt của tổ chức tài chính nước ngoài làm phương hại và phá huỷ sự an toàn của hệ thống tài chính của một nước. "Sự có mặt của các tổ chức tài chính nước ngoài thực chất lại làm tăng thêm sự đa năng của hệ thống tài chính, và do đó làm tăng thêm tính ổn định cần có. Hơn nữa, sự hiệu quả của chính sách tài chính tiền tệ phụ thuộc phần lớn vào chính sách tỷ giá và chính sách di chuyển vốn của nước chủ nhà chứ không phụ thuộc vào sự có mặt hay không của các tổ chức tài chính nước ngoài" (Dobson & Jacquet, 1998).

II. Tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO 1. Giới thiệu khái quát về WTO

WTO ra đời năm 1995, là hậu thân của GATT, một hệ thống thương mại đa phương được thành lập sau Thế chiến thứ II và đã có hơn 50 năm tồn tại. Tính đến thời điểm 7/11/2006, WTO có 150 nước thành viên với hơn 65% dân số thế giới, chiếm hơn 90% thương mại thế giới, 93% sản lượng thế giới. Hiện có 34 nước quan sát viên đang thương lượng xin gia nhập.

Trong khuôn khổ WTO, các cuộc đàm phán vẫn tiếp tục nhằm tự do hóa thương mại hơn nữa. Tháng 2/1997, một hiệp định về dịch vụ viễn thông đã được ký, theo đó, 69 chính phủ đã thỏa thuận những biện pháp tự do hóa thương mại vượt xa những thỏa thuận của vòng đàm phán Urugoay. Cùng năm 1997, 40 Chính phủ đã hoàn tất các thương lượng bãi bỏ thuế quan cho các sản phẩm công nghệ tin học và 70 thành viên đã ký kết một thỏa ước về dịch vụ tài chính chi phối hơn 95% thị trường ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và thông tin tài chính. Tháng 5/1998, cuộc họp cấp bộ trưởng ở Geneva đã đồng ý nghiên cứu các chủ đề phát sinh từ thương mại điện tử toàn cầu. Năm 2000 đã diễn ra các cuộc thảo luận về nông nghiệp và dịch vụ.

1.1. Mục đích và chức năng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Mục đích bao trùm của WTO là làm cho thương mại hoạt động thông suốt, tự do, công bằng và tiên đoán được. Để đạt được mục đích đó WTO có những chức năng sau:

- Điều hành các hiệp định thương mại
- Diễn đàn cho các cuộc thương lượng về thương mại
- Giải quyết các tranh chấp
- Giám sát các chính sách thương mại quốc gia
- Hỗ trợ các nước đang phát triển về chính sách thương mại thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và huấn luyện.
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế

1.2. Các nguyên tắc cơ bản

- *Không phân biệt đối xử*: Một quốc gia không bị phân biệt đối xử giữa những nước bạn hàng (nghĩa là tất cả đều được trao quy chế MFN) và cũng không có sự phân biệt đối xử giữa hàng hóa, dịch vụ và công dân của một quốc gia với quốc gia khác (quy chế NT)

- *Thương mại ngày càng tự do hơn*: Các rào cản thương mại ngày càng được tháo gỡ thông qua thương lượng.

- *Dễ tiên liệu*: Các công ty, các nhà đầu tư, và các chính phủ nước ngoài có thể vững tin rằng các rào cản thương mại gồm rào cản thuế quan, phi thuế quan và các rào cản khác sẽ không được dựng lên tùy tiện, ngày càng có thêm những cam kết giảm thuế suất và mở cửa thị trường trong WTO.

- *Cạnh tranh hơn*: Chống các biện pháp giành thị trường bằng những hành vi không công bằng như trợ cấp xuất khẩu và bán sản phẩm dưới giá thành.

- *Có lợi hơn cho các nước đang phát triển*: Dành cho các nước chậm phát triển nhiều thời gian hơn để điều chỉnh, tính linh hoạt cao hơn và những ưu đãi đặc biệt.

1.3. Cơ cấu tổ chức

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Cơ quan ra quyết định cao nhất của WTO là Hội nghị Bộ trưởng (HNBT) họp ít nhất hai năm một lần.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Cấp thứ 2 là Đại hội đồng (ĐHĐ), gồm các đại sứ hay trưởng các phái đoàn của tất cả các nước thành viên tại Geneva, mỗi năm họp một vài lần tại Geneva, có vai trò là cơ quan giám sát chính sách thương mại và Cơ quan giải quyết tranh chấp. ĐHĐ hoạt động nhân danh HĐBT và chịu trách nhiệm trước HĐBT.

Cấp thứ 3 là Hội đồng về thương mại hàng hóa (Goods Council), Hội đồng về thương mại dịch vụ (Services Council) và Hội đồng về những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ (TRIPS Council), chịu trách nhiệm trước ĐHĐ. Ngoài ra còn có 6 ủy ban chuyên trách hay nhóm làm việc liên quan đến từng hiệp định hay lĩnh vực riêng lẻ.

Cấp thứ 4 la những tiểu ban trực thuộc ĐHĐ và các Hội đồng.

Các quyết định của WTO được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận. Biểu quyết theo đa số cũng có thể được áp dụng trong một số trường hợp được quy định tại Hiệp định WTO.

Đoàn thư ký của WTO gồm 500 nhân viên, đứng đầu là một tổng thư ký. Toàn bộ văn phòng đóng ở Geneva có nhiệm vụ chính là cung ứng kỹ thuật cho các hội đồng, ủy ban và HNBT, hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển, phân tích tình hình thương mại thế giới và giải thích các công việc của WTO cho công chúng và báo chí.

1.4. Các hiệp định của WTO

Để đảm bảo hoạt động thương mại được công bằng, tự do như mục đích đề ra, các nước thành viên WTO thương lượng để thống nhất ban hành các quy tắc và tuân thủ các quy tắc đó. Các quy tắc của WTO được ghi nhận tại các hiệp định của WTO, là kết quả thương lượng giữa các thành viên và đều đã được quốc hội của các nước thành viên phê chuẩn.

Toàn bộ hệ thống quy tắc của WTO hiện nay gồm hơn 60 Hiệp định, dài đến 30.000 trang, chia thành 3 phần cơ bản sau đây:

Phần 1: Những hiệp định cơ bản (GATT, GATS, TRIPS)

Phần 2: Những hiệp định trong từng lĩnh vực cụ thể như nông nghiệp, dệt may, hàng không, hàng hải, hạ thấp thuế suất hay chống phá giá…

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Phần 3: Lịch trình hày danh sách những cam kết của các thành viên về thuế quan hay mở cửa thị trường.

Căn cứ vào nội dung các hiệp định, có thể chia thành 5 loại thỏa ước sau:

- *Thỏa ước về hàng hóa*: Hiệp định GATT đã trở thành hiệp định khung cho thương mại hàng hóa với những phụ kiện điều chỉnh những lĩnh vực rộng như nông nghiệp hay dệt và những chủ đề riêng như thương mại nông nghiệp, tiêu chuẩn sản phẩm, trợ cấp hay những biện pháp chống phá giá.

- *Thỏa ước về dịch vụ*: Các nguyên tắc về thương mại tự do hơn và công bằng hơn được áp dụng cho thương mại dịch vụ của các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty viễn thông… và được ghi nhận trong bản hiệp định về thương mại dịch vụ (GATS). Các thành viên WTO cũng đã có những cam kết riêng lẻ trong khuôn khổ hiệp định nêu rõ những lĩnh vực dịch vụ nào họ đồng ý mở cửa và mức độ mở cửa cho cạnh tranh nước ngoài.

- *Thỏa ước về sở hữu trí tuệ*: Hiệp định về sở hữu trí tuệ của WTO là cơ sở pháp lý cho việc thương mại và về suy nghĩ và óc sáng tạo. Hiệp định quy định cách thức bảo vệ quyền tác giả , thương hiệu, tên địa phương xác định xuất xứ của sản phẩm…

- *Thỏa ước về giải quyết tranh chấp*: Thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO được quy định tại bản thỏa thuận về giải quyết tranh chấp là cơ sở pháp lý cho việc cưỡng chế thi hành các quy tắc của WTO và do đó đảm bảo cho thương mại được diễn ra thông suốt.

- *Thỏa thuận về giám sát chính sách*: Mục đích của Cơ chế giám sát chính sách là nâng cao tính minh bạch, tạo ra sự hiểu biết hơn về chính sách thương mại mà các nước đang áp dụng và tác động của nó. Nhiều thành viên xem việc giám sát là một cách đóng góp ý kiến đối với chính sách của họ. Tất cả các thành viên đều phải trải qua giám sát định kỳ. Mỗi cuộc giám sát được thể hiện trong bản báo cáo của thành viên bị giám sát và báo cáo của Đoàn thư ký WTO.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1.5. WTO và các nước đang hay kém phát triển

Hơn 3/4 thành viên của WTO là các nước đang và kém phát triển. Các hiệp định WTO đều có những điều khoản đặc biệt dành cho các nước này. Ví dụ như kéo dài thời gian thực hiện các hiệp định hay cam kết; có các biện pháp tăng cường cơ hội thương mại cho các nước này; một số điều khoản yêu cầu các thành viên bảo đảm lợi ích thương mại cho các nước đang phát triển; hỗ trợ các nước đang phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho các công tác của WTO, cho việc giải quyết tranh chấp và thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO

Văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại dịch vụ nói chung và dịch vụ tài chính nói riêng giữa các nước thành viên là Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS). Được đàm phán tại vòng đàm phán Urugoay, GATS là tập hợp đầu tiên các quy định đa phương có hiệu lực thi hành bắt buộc, điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế. Các quy định này áp dụng đối với mọi loại hình dịch vụ trừ các loại thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Tuy nhiên, GATS hiện chưa có định nghĩa nào về dịch vụ tài chính ngoài việc giải thích là "bất kỳ dịch vụ nào mang tính chất tài chính được các nhà cung cấp dịch vụ tài chính cung cấp cho một nước thành viên". Mặc dù có một danh mục các dịch vụ tài chính rất chi tiết trong GATS nhưng cho tới nay chúng vẫn chưa bao gồm hết các dịch vụ tài chính có thể xảy ra trong thực tế. Các dịch vụ tài chính trong GATS bao gồm dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác. Dịch vụ bảo hiểm bao gồm bảo hiểm trực tiếp (nhân thọ và phi nhân thọ), tái bảo hiểm và chuyển nhượng bảo hiểm, trung gian bảo hiểm và các dịch vụ bảo hiểm phụ trợ (bao gồm dịch vụ tư vấn, định phí bảo hiểm, đánh giá rủi ro và giải quyết khiếu nại). Ngân hàng và dịch vụ tài chính khác được định nghĩa trong GATS gồm nhận tiền gửi, cho vay, cho thuê tài chính, dịch vụ chuyển tiền và thanh toán, bảo lãnh và cam kết, mua bán (các công cụ thị trường tiền tệ, ngoại hối, sản phẩm phái sinh, công cụ lãi suất và tỷ giá, chứng khoán có khả năng chuyển nhượng và các công cụ chuyển nhượng và tài sản tài chính khác), tham gia phát hành chứng khoán, môi giới tiền tệ, quản lý tài sản, dịch vụ thanh toán và bù trừ,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cung cấp và chuyển giao thông tin tài chính (kể cả xử lý dữ liệu) và các dịch vụ tư vấn, trung gian khác.

GATS đưa ra 4 phương thức cung cấp dịch vụ tài chính bao gồm:

- Phương thức 1: Cung cấp qua biên giới. Dịch vụ được cung cấp từ một nước sang một nước khác. Đặc điểm của loại hình cung cấp dịch vụ này chỉ có bản thân dịch vụ là đi qua biên giới còn người cung cấp dịch vụ không có mặt tại nước nhận dịch vụ.

- Phương thức 2: Tiêu thụ dịch vụ ở nước ngoài. Người tiêu dung di chuyển đến lãnh thổ của nhà cung cấp.

- Phương thức 3: Hiện diện thương mại. Một công ty nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc công ty con để cung cấp dịch vụ tại một nước khác.

- Phương thức 4: Hiện diện thể nhân. Công dân nước này trực tiếp cung cấp dịch vụ ở nước khác.

Bốn phương thức cung cấp dịch vụ trên là yếu tố chủ yếu trong các cam kết của các thành viên WTO liên quan đến tiếp cận thị trường và chế độ đãi ngộ quốc gia (MFN và NT).

Quy định về tiếp cận thị trường ngăn cấm sáu loại hạn chế trừ khi chúng được ghi trong lộ trình của một thành viên. Sáu loại hạn chế này là: (a) hạn chế về số lượng nhà cung cấp; (b) hạn chế về tổng giá trị của giao dịch dịch vụ hoặc tài sản; (c) hạn chế về tổng số giao dịch dịch vụ hoặc về tổng số lượng sản phẩm dịch vụ; (d) hạn chế về tổng số thể nhân được thuê; (e) các biện pháp hạn chế hoặc yêu cầu tuân theo các loại pháp nhân hoặc liên doanh cụ thể và (f) hạn chế về sự tham gia vốn của nước ngoài. Việc tồn tại bất cứ hạn chế nào nêu trên cần được chỉ rõ cho từng phương thức trong số 4 phương thức cung cấp dịch vụ mô tả ở trên.

Yêu cầu về đối xử tối huệ quốc đòi hỏi các bên dành cho nhau sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà bên đó dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ tương tự cho bất kỳ các quốc gia nào khác đối với các biện pháp được

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

áp dụng. Khái niệm các biện pháp trong trường hợp này được hiểu là bất kỳ các biện pháp nào do cơ quan của chính phủ, thuộc chính phủ hoặc được sự ủy nhiệm,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cho phép của chính phủ tiến hành. Các biện pháp này có thể là biện pháp thuế quan hoặc phi thuế quan hoặc các biện pháp ngăn cản hoặc hạn chế tiếp cận thị trường.

Đối với yêu cầu đối xử quốc gia hiệp định quy định rõ mỗi bên dành cho nhà cung cấp dịch vụ của bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà bên đó dành cho nhà cung cấp dịch vụ của mình về các biện pháp ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ. Một biện pháp được đưa ra và áp dụng sẽ không bị coi là biện pháp ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ nếu việc áp dung các biện pháp này không phải là thể hiện sự phân biệt đối xử quốc gia và không phải là biện pháp thông qua đó tạo ra sự thuận lợi hơn trong cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ giữa trong nước và ngoài nước. Chẳng hạn trong trường hợp vì lý do an toàn để bảo đảm sự ổn định của hệ thống và bảo vệ cán cân thanh toán, chính phủ có thể áp dụng các biện pháp hạn chế thanh toán ra nước ngoài (có dấu hiệu là biện pháp ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ) và sẽ không bị coi là vi phạm quy định đối xử quốc gia, song khi áp dụng các biện pháp này thì phải áp dụng thống nhất đối với các chủ thể cung cấp dịch vụ.

Như vậy có thể nói tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO là việc các quốc gia thành viên thực hiện việc mở cửa khu vực dịch vụ tài chính của mình thông qua các bản cam kết cụ thể được WTO thông qua sau khi đã đàm phán với các quốc gia thành viên khác. Nói cách khác, các quốc gia thành viên phải cam kết nới lỏng dần các hạn chế về tiếp cận thị trường cũng như đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ tài chính được liệt kê trong GATS thông qua bốn phương thức trên. Một khi, bản cam kết cụ thể của một quốc gia được WTO thông qua, nước đó phải thực hiện đúng theo nội dung và lộ trình mà mình đã cam kết. Nếu so sánh với khái niệm tự do hóa tài chính nói chung đã được đề cập ở trên, thì tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO cũng mang ý nghĩa tương tự, đều là nới lỏng hạn chế về quyền tiếp cận thị trường của các bên tham gia tìm kiếm lợi ích. Tuy nhiên, các cam kết của mỗi quốc gia thành viên không chỉ dành cho một quốc gia riêng lẻ nào đó mà nó dành cho tất cả các thành viên khác của WTO. Cũng giống như tự do hóa tài chính nói chung, tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO cũng không thể là tự do hóa hoàn toàn. WTO không bắt buộc các thành viên của mình

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

phải cam kết mở cửa hoàn toàn thị trường tài chính. Cam kết trong những lĩnh vực nào, mức độ và lộ trình thực hiện ra sao là còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng quốc gia trên cơ sở thương lượng với các thành viên khác. Mỗi quốc gia, trong quá trình đàm phán, phải tự điều chỉnh khung pháp chế cũng như tự tiến hành những cải tổ cần thiết trong hệ thống tài chính của mình để phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu của các thành viên trong WTO. GATS chỉ đưa ra những chuẩn chung để các quốc gia dựa vào đó xây dựng cho mình những biểu cam kết cụ thể và lộ trình thích hợp.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

CHƯƠNG II: TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH TRONG KHUÔN KHỔ WTO CỦA HÀN QUỐC

Thực tế, ngay từ năm 1950, sau khi thoát khỏi ách đô hộ của Nhật Bản, Hàn Quốc mong muốn cộng đồng thế giới nhìn nhận mình như một quốc gia độc lập và đã gửi đến Torquay, Anh đơn xin gia nhập tổ chức GATT vào năm này. Tuy nhiên, nỗ lực ban đầu này của Hàn Quốc đã thất bại do thiếu những thủ tục cần thiết trong nước. Tiếp đó, vào những năm 1960, chính sách của GATT đã thay đổi nhằm mở rộng hơn sự tham gia tổ chức của các quốc gia đang phát triển. Một lần nữa, Hàn Quốc nhận thấy cơ hội được gia nhập GATT vào năm 1965 khi nước này đang theo đuổi mục đích hướng ra xuất khẩu, nhân tố hàng đầu trong chính sách phát triển kinh tế. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng về những thuận lợi và khó khăn khi gia nhập tổ chức này, Hàn Quốc đã đệ đơn xin gia nhập lên Ban thư ký của GATT vào ngày 20/05/1966. Cuối cùng, vào ngày 14/04/1967, Hàn Quốc chính thức trở thành thành viên của GATT.

Kể từ ngày 1/1/1995, WTO chính thức thay thế GATT và đi vào hoạt động. Như vậy từ 1/1/1995, Hàn Quốc trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO.

Trong khuôn khổ của GATT, từ nửa đầu thập niên 80 đã xuất hiện ý tưởng đưa các quy định về dịch vụ vào hệ thống thương mại đa biên, song một số nước đã tỏ ra nghi ngại, thậm chí còn phản đối. Họ cho rằng một hiệp định như vậy có thể ảnh hưởng xấu tới khả năng các chính phủ theo đuổi những mục tiêu chính sách quốc gia và hạn chế khả năng điều tiết của chính phủ. Mãi cho tới khi kết thúc vòng đàm phán Urugoay, Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) mới được ký kết và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/1995. Như trên đã trình bày, Hiệp định GATS đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của hệ thống thương mại đa phương sang lĩnh vực dịch vụ chứ không chỉ điều chỉnh một mình lĩnh vực hàng hóa như trước đó.

Tất cả các thành viên WTO đều tham gia GATS và Hàn Quốc không phải là một ngoại lệ. Ngày 15/04/1994, Hàn Quốc lần đầu tiên trình lên WTO Bản cam kết cụ thể về Thương mại Dịch vụ. Cho đến ngày 13/12/1997, WTO mới thông qua bản

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cam kết về mở cửa lĩnh vực dịch vụ tài chính của Hàn Quốc. Năm 1997 cũng là năm mà tất cả các bản cam kết về thương mại dịch vụ của các thành viên trong WTO bắt đầu có hiệu lực. Tuy nhiên, ngay từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước, dưới sức ép từ bên ngoài là chính, Hàn Quốc đã bắt đầu các kế hoạch tự do hóa tài chính của mình. Căn cứ vào đó, chúng ta sẽ tìm hiểu về quá trình tự do hóa tài chính tại Hàn Quốc thông qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất diễn ra từ đầu thập niên 80 cho đến trước năm 1997 (trước khi cam kết về tự do hóa tài chính của Hàn Quốc được thông qua bởi WTO).

- Giai đoạn thứ hai diễn ra từ 1997 tới nay (Sau khi WTO thông qua bản cam kết về mở cửa lĩnh vực dịch tài chính tại Hàn Quốc).

I. Tự do hóa tài chính tại Hàn Quốc từ những năm 1980 đến trqớc năm 1997

Ngay trong giai đoạn tái thiết sau chiến tranh, Chính phủ Hàn Quốc đã theo đuổi chính sách hướng nội, chiến lược phát triển kinh tế thay thế nhập khẩu. Năm 1961, chính sách phát triển đã được định hướng lại trở thành chiến lược hướng ra bên ngoài, dựa trên sự mở rộng của xuất khẩu và can thiệp mạnh của Chính phủ vào các hoạt động kinh tế đã được thi hành. Trong các thập kỷ 60 và 70, hệ thống tài chính được sử dụng như một công cụ then chốt cho việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế quốc gia. Sự kiểm soát tư bản và lãi suất một cách rộng rãi cộng với các dạng trợ cấp và tín dụng xuất khẩu khác nhau đã được sử dụng để đảm bảo dòng tín dụng cho các ngành công nghiệp hướng vào xuất khẩu. Năm 1973, sự can thiệp của Chính phủ đã gia tăng trong đó các ngành công nghiệp then chốt được nhận phần lớn các tín dụng với lãi suất dưới mức thị trường. Vào cuối những năm 70, khoảng 80% đầu tư cơ bản trong khu vực công nghiệp chế tạo nằm ở các ngành công nghiệp thuộc ngành cơ khí và công nghiệp nặng (HCIs).

Đã xuất hiện đầu tư quá mức ở các ngành công nghiệp thuộc HCIs và hiệu quả phân bổ thấp trên các thị trường tư bản do vô số các khuyến khích và kiểm soát của Chính phủ. Khu vực tài chính đã bị đè nén nặng nề bởi sự kiểm soát của chính phủ đối với mọi khía cạnh của thị trường tài chính quốc gia và các rào cản cao đối với việc gia nhập thị trường của các công ty dịch vụ tài chính nước ngoài.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nền kinh tế Hàn Quốc vốn đã tăng trưởng 3 năm liên tiếp với tỷ lệ trung bình hàng năm là 10,5% (1976- 1978) rơi vào suy thoái mà nguyên nhân chính là do lạm phát đình đốn lan rộng khắp thế giới và cú sốc dầu lửa thứ hai. Công chúng cũng chỉ trích mạnh mẽ hơn sự can thiệp thái quá của chính phủ vào việc quản lý kinh tế. Trước tình hình đó, Chính phủ nước này nhận ra cần phải tăng cường vai trò của khu vực tư nhân, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính.

Trước nhu cầu xúc tiến lại hệ thống tài chính, coi đây như một phương thức tăng cường hiệu quả kinh tế tổng thể của Chính phủ Hàn Quốc đồng thời dưới sức ép bên ngoài (chủ yếu là từ Mỹ) đòi mở cửa thị trường tài chính trong nước, từ những năm đầu thập niên 1980, nước này đã bắt đầu thực hiện một số biện pháp tự do hóa tài chính.

1. Tự do hóa tài chính trong nợớc

1.1. Thành lập các định chế tài chính mới

Thực tế cho thấy, trong những năm 1980, có hai thời kỳ Chính phủ Hàn Quốc cho phép một số định chế tài chính mới được thành lập. Cụ thể là từ năm 1982 tới năm 1985, 2 ngân hàng thương mại, 12 công ty tài chính và đầu tư, 58 công ty tài chính và tiết kiệm tương hỗ được thành lập trong cố gắng của Chính phủ nước này nhằm thu hút các luồng vốn ngắn hạn vào các định chế tài chính chính thức. Đồng thời thực thi các giải pháp nhằm làm lành mạnh hóa các định chế tài chính vùng và địa phương kể cả những định chế chuyên phục vụ các công ty vừa và nhỏ. Ngoài ra, "Luật sát nhập và chuyển đổi các định chế tài chính" được ban hành năm 1991 nhằm khuyến khích một số công ty tài chính và đầu tư chuyển thành những ngân hàng hoặc các công ty chứng khoán.

1.2. Tự do hóa lãi suất

Chính phủ Hàn Quốc thực hiện xóa bỏ chế độ lãi suất cố định từ đầu những năm 1980. Năm 1982, Chính phủ Hàn Quốc đã xúc tiến việc tự do hóa lãi suất khu vực tài chính. Chính phủ bắt đầu tư hữu hóa các ngân hàng thương mại, xóa bỏ mức lãi suất ưu đãi đối với những khoản vay thuộc diện chính sách và Chính phủ cũng phát hành thương phiếu với mức lãi suất không bị kiểm soát, cho phép các trái phiếu công ty dao động xung quanh lãi suất cho vay cơ bản của ngân hàng với biên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

độ 1%. Tháng 1/1984, các ngân hàng được phép định ra các mức lãi suất trong phạm vi dao động từ 10% đến 10,5% cho các khoản vay tín dụng. Phạm vi dao động này được mở rộng từ 10 đến 11,5% vào cuối năm 1984. Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản tiền gửi, trái phiếu công ty và các giấy nợ của những định chế phát triển được tự do hơn nữa vào năm 1986. Tuy nhiên, cuộc suy thoái kinh tế diễn ra vào năm 1989 dường như đã làm vô hiệu hóa chính sách điều chỉnh lãi suất theo kiểu này của Chính phủ Hàn Quốc. Năm 1988, Chính phủ cố gắng tự do hóa lãi suất, nhưng chỉ vài tháng lãi suất đã tăng vọt và Chính phủ đã đảo ngược lại phần lớn các cải cách. Kế hoạch tự do hóa lãi suất khác được đặt ra sau 3 năm. Vào tháng 8/1991, Chính phủ Hàn Quốc công bố kế hoạch "Tự do hóa lãi suất 4 giai đoạn" (1991-1997).

Trong giai đoạn đầu (1991), hầu hết các lãi suất cho vay ngắn hạn của các ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng được tự do hóa.

Tháng 11/1993, giai đoạn thứ hai của việc xóa bỏ kiểm soát lãi suất được tiến hành. Hầu hết lãi suất cho vay của ngân hàng và các định chế phi ngân hàng trừ những khoản cho vay theo hợp đồng đều không bị kiểm soát. Lãi suất tiền gửi áp dụng cho lượng tiền gửi kỳ hạn có thời gian đáo hạn trên 2 năm, số tiền gửi trả một lần có thời gian đáo hạn hơn 3 năm và lãi suất đối với trái phiếu công ty có thời gian đáo hạn dưới 2 năm cũng được tự do hóa. Lãi suất áp dụng cho các loại giấy nợ của các định chế tài chính và trái phiếu chính phủ cũng được tự do hóa.

Và giai đoạn thứ 3 của chương trình xóa bỏ kiểm soát lãi suất có hiệu lực từ tháng 7 tới tháng 12/1994, bao gồm lãi suất áp dụng cho các công cụ thị trường tiền tệ ngắn hạn, tiền gửi kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên 2 năm, tiền gửi trả lãi một lần có thời gian đáo hạn trên 2 năm và các khoản vay theo hợp đồng được các quỹ của Ngân hàng Trung ương trợ giúp. Tháng 7/1995, lãi suất áp dụng cho tất cả các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn trên 6 tháng trừ khoản tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền gửi trả một lần có thời gian đáo hạn trên một năm và tất cả số cho vay được tái cung cấp qua hình thức tái chiết khấu của Ngân hàng Trung ương được tự do hóa.

Theo bản kế hoạch này, mọi lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi sẽ được tự do hóa hoàn toàn vào giai đoạn cuối cùng vào tháng 7/1997.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1.3. Nới lỏng các kiểm soát tín dụng

Hệ thống kiểm soát tín dụng lần đầu tiên được giới thiệu năm 1974 nhằm cải thiện cơ cấu vốn của các công ty lớn bằng cách khuyến khích họ giảm thiểu những khoản vay từ ngân hàng và tăng quỹ vốn thông qua cung cấp vốn trực tiếp. Trong khi rất nhiều các biện pháp tự do hóa tài chính được thực hiện, việc kiểm soát tín dụng đối với những tập đoàn kinh doanh lớn được đẩy mạnh trong những năm 1980. Đây là biện pháp nhằm kiểm soát hoạt động đầu tư thiếu thận trọng của các tập đoàn này mà chính phủ không phê chuẩn, chẳng hạn như việc sử dụng các khoản vay ngân hàng để mua bất động sản.

Từ cuối năm 1979, các công ty Hàn Quốc phải chịu một cuộc suy thoái kinh tế trầm trọng do cú sốc dầu lửa thứ hai và bất ổn về chính trị và xã hội gây ra. Chính phủ nước này coi hoạt động đầu cơ bất động sản và việc mở rộng kinh doanh quá tham vọng là nguyên nhân chính gây ra tình trạng giảm sút khả năng cạnh tranh. Để đối phó với tình hình này, ngày 27/09/1980, Chính phủ công bố một biện pháp đặc biệt trong đó buộc các cơ sở kinh doanh phải trả lại các khoản vay ngân hàng của họ bằng cách bán bất động sản nhàn rỗi mà họ đang sở hữu cũng như những khoản vay do chủ sở hữu và các nhà quản lý của họ nắm giữ. Ngoài ra, 26 nhóm kinh doanh bị coi là đã mở rộng quá mức hoặc chưa có đủ vốn cần thiết và bị buộc phải xóa bỏ một số công ty thành viên của họ.

Trong bối cảnh đó, hệ thống kiểm soát tín dụng được sử dụng làm công cụ ngăn cản và hạn chế các khoản thu nhập về bất động sản của những công ty lớn.

Chính phủ Hàn Quốc ban hành "quy định kiểm soát tín dụng của các ngân hàng" và đây được coi là xương sống của hệ thống kiểm soát tín dụng song Ủy ban Thương mại công bằng lại coi đó là một hoạt động bất hợp pháp. Do vậy, quy định này sau đó đã bị bãi bỏ và hệ thống kiểm soát tín dụng đã được đưa vào Luật Ngân hàng sửa đổi năm 1982.

Luật ngân hàng sửa đổi cho phép cơ quan giám sát ngân hàng quyết định ra mức trần đối với cổ phần của các tập đoàn kinh doanh lớn trong các khoản cho vay

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ở bất kỳ ngân hàng nào. Mức trần này áp dụng cho từng nhóm kinh doanh và thông qua đó, mỗi ngân hàng kiểm tra khả năng sức mạnh kinh tế của các tập đoàn kinh

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

doanh lớn. Điều này nhằm mục đích đảm bảo cho các công ty vừa và nhỏ có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng và ngăn cản các tập đoàn kinh doanh lớn tiến hành hoạt động đầu tư có tính chất đầu cơ. Từ năm 1987, các tập đoàn kinh doanh lớn phải được sự đồng ý của những ngân hàng chính của họ trước khi họ có thể mua bất động sản hoặc đầu tư vào một cơ sở kinh doanh mới. Sau khi được chấp nhận, họ cũng phải có những "nỗ lực tự mình" như đóng cửa các cơ sở kinh doanh không quan trọng để cải thiện hoạt động kinh doanh kém hiệu quả. Ngày 08/05/1990, Chính phủ Hàn Quốc công bố một số biện pháp chống đầu cơ cứng rắn nhất buộc các tập đoàn kinh doanh phải bán bất động sản phi kinh doanh của mình, trong đó có cả các biện pháp về thưởng phạt áp dụng cho các tập đoàn kinh doanh lớn.

Năm 1991, trong một cố gắng nhằm khuyến khích các tập đoàn kinh doanh tập trung vào những lĩnh vực quan trọng nhất, chính phủ nước này cho phép mỗi tập đoàn trong số 30 tập đoàn kinh doanh lớn nhất lập ra nhiều nhất là 3 công ty thành viên cốt yếu và những công ty này được miễn kiểm soát tín dụng.

Từ năm 1993, chính phủ Hàn Quốc cũng bắt đầu nới lỏng kiểm soát hệ thống tín dụng. Danh sách các tập đoàn kinh doanh theo sự kiểm soát tín dụng giảm từ 50 xuống còn 30 tập đoàn lớn nhất vào tháng 2 năm 1993. Ngoài ra, tháng 1/1994, cho phép các tập đoàn kinh doanh lớn nhất từ thứ 11 đến 30 mua bất động sản hoặc giành được cổ phần ở những công ty khác mà không cần có sự đồng ý trước của ngân hàng chính mà họ sở hữu. Từ tháng 6/1994, gánh nặng "nỗ lực tự cứu mình" trước khi đầu tư vào kinh doanh bất động sản hoặc vào công ty khác được giảm cho 10 tập đoàn kinh doanh hàng đầu.

2. Tự do hóa tài chính quốc tế

2.1. Mở cửa khu vực dịch vụ tài chính

Trong những năm 1980, Chính phủ Hàn Quốc theo đuổi chính sách quốc tế hóa tài chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và nâng cao sức cạnh tranh của các định chế tài chính trong nước. Và như vậy khu vực dịch vụ tài chính gồm ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán lần lượt được mở cửa.

2.1.1. Mở cửa lĩnh vực ngân hàng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

a. Tư hữu hóa các ngân hàng quốc gia và thành lập các ngân hàng thương mại (NHTM)

Sau khi tư hữu hóa 4 ngân hàng quốc gia vào đầu những năm 1980, Chính phủ đã cho phép xây dựng các NHTM quốc gia mới vào các năm 1983, 1989-1992. Các ngân hàng chuyên doanh, được xây dựng trong những năm 1960 để hướng tài nguyên vào các đặc khu, được mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh của NHTM. Bốn ngân hàng chuyên doanh: Ngân hàng công nghiệp Hàn Quốc, Ngân hàng quốc gia Hàn Quốc, Ngân hàng nhà ở Hàn Quốc và Ngân hàng nông nghiệp Hàn Quốc chiếm hơn 1/4 tổng số tài sản mà các ngân hàng tiền gửi nắm giữ và 12% tài sản của các thiết chế tài chính. Ngân hàng quốc gia Hàn Quốc được tư hữu hóa vào cuối năm 1994; các ngân hàng chuyên doanh khác tiếp tục được Chính phủ kiểm soát và do đó bổ sung chính sách cho vay của Chính phủ thông qua các ngân hàng phát triển thuộc chính quyền.

b. Mở cửa thị trường của các NHTM đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động của các định chế này

Để đạt được mục tiêu quốc tế hóa tài chính, Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện phi điều tiết hóa dần dần khu vực này. Chính phủ không những mở cửa thị trường của các NHTM cho những người tham gia mới mà còn cho phép các NHTM hoạt động trên một khu vực dịch vụ mới rộng lớn hơn. Các ngân hàng địa phương và các NHTM quốc gia riêng lẻ được phép tham gia vào các ngành kinh doanh quản lý tài sản ủy thác vào các năm 1983, 1984. Vào năm 1985, tất cả các ngân hàng tiền gửi được ủy nhiệm cung cấp các giấy chứng nhận tiền gửi có thể chuyển đổi thành tiền. Tuy nhiên, trong suốt giai đoạn này Chính phủ đã duy trì sự kiểm soát chặt chẽ đối với các hoạt động cho vay và quản lý ngân hàng trong khi hạ thấp các rào cản đối với đầu tư, tiết kiệm và các công ty tài chính.

Kết quả của nhịp độ phi điều tiết không đều là sự tăng trưởng không bền vững về số lượng các quĩ tiết kiệm và sự mất mát to lớn trong tổng số đóng góp mà các NHTM nắm giữ. Sự tăng trưởng cả về số lượng các quỹ tiết kiệm lẫn những đóng góp tài sản mà họ nắm giữ phản ánh chiến lược phi tự do hóa từng phần của chính phủ để thể chế hóa khu vực tài chính. Vào đầu những năm 80, thị trường tín

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

dụng không chính thức, hoặc vay hạn chế chiếm khoảng 40% trong hệ thống tài chính. Việc phi điều tiết các thiết chế tài chính, không phải các NHTM đã giúp giảm bớt được kích cỡ của thị trường vay hạn chế bằng việc tạo nên các công cụ mà thông qua đó các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có thể tiếp cận với tín dụng chính thức, với kết quả là thị trường vay hạn chế giờ đây được đánh giá nhỏ hơn 10% tổng tín dụng.

c. Mở cửa cho sự tham gia của nước ngoài

Bên cạnh việc tự do hóa dịch vụ ngân hàng trong nước, Hàn Quốc cũng đã bắt đầu mở cửa cho sự tham gia của nước ngoài. Vào đầu những năm 1980, khi Hàn Quốc chịu sự thâm hụt liên tục của tài khoản vãng lai, các ngân hàng nước ngoài được khuyến khích xây dựng các chi nhánh ở Hàn Quốc để tăng nguồn cung cấp ngoại hối cho thị trường. Năm 1984 các nhà chức trách công bố rằng các ngân hàng nước ngoài ở Hàn Quốc sẽ nhận được những đãi ngộ quốc gia. Trong năm tiếp theo các ngân hàng nước ngoài được phép tiếp cận các chính sách tái chiết khấu đối với xuất khẩu tài chính và được quyền trở thành thành viên của Hiệp hội Ngân hàng Hàn Quốc và Trung tâm thanh toán bù trừ Hàn Quốc.

Khi sự thâm hụt tài khoản vãng lai biến thành thặng dư vào năm 1986, chính sách của Hàn Quốc đối với các ngân hàng nước ngoài cũng thay đổi theo, loại trừ bất kỳ một lợi thế nào mà các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài được hưởng ở thị trường Hàn Quốc. Năm 1986, các ngân hàng nước ngoài được phép tiếp cận với cửa sổ chiết khấu cho vay chỉ khi nếu ít nhất 35% trong số chúng hướng tới các công ty vừa và nhỏ. Năm 1987, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu giảm mức trần đối với các giới hạn trao đổi, từ đó giảm bớt quyền hạn của các ngân hàng đối với việc cho vay bằng đồng bản tệ. Tỷ lệ phần trăm của các ngân hàng nước ngoài trong tổng số lượng cho vay bằng đồng bản tệ và chiết khấu giảm từ 5,8% năm 1987 xuống 2,5% năm 1993.

Tuy nhiên tình hình này đã được cải thiện vào năm 1991, sau cuộc đàm phán tài chính giữa Mỹ và Hàn Quốc. Hàn Quốc đã đồng ý giảm mức trần trao đổi và xem xét lại mức trần đối với tư bản của ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài giờ đây được phép hoạt động đầy đủ trong lĩnh vực kinh doanh tín thác, mở

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nhiều chi nhánh ở Hàn Quốc. Các rào cản khác đối với việc gia nhập như luận chứng kinh tế và yêu cầu thành lập đại diện trước khi mở chi nhánh ngân hàng, được xem xét lại.

Tính đến năm 1993, có 52 ngân hàng nước ngoài điều khiển 72 chi nhánh ở Hàn Quốc; Citibank, ngân hàng nước ngoài lớn nhất, điều hành 11 chi nhánh ngân hàng ở Hàn Quốc. Với 3,5% tài sản trong số tất cả các tài sản mà các thiết chế tài chính nắm giữ, các ngân hàng nước ngoài vẫn chiếm một phần tương đối nhỏ trong thị trường tài chính Hàn Quốc. Các ngân hàng nước ngoài có khuynh hướng tập trung vào các hoạt động tài chính tập thể, tương phản với các hoạt động ngân hàng lẻ tẻ, một phần vì họ vẫn còn bị giới hạn trong việc tiếp cận với đồng bản tệ. Việc giới thiệu các sản phẩm mới cũng bị kiểm soát chặt chẽ, do đó đối với các ngân hàng nước ngoài, khai thác lợi thế so sánh của họ ở Hàn Quốc là một công việc khó khăn.

2.1.2. Mở cửa lĩnh vực bảo hiểm

Các công ty bảo hiểm nước ngoài bắt đầu đến Hàn Quốc hoạt động vào tháng 4 năm 1987 và điều này được đánh dấu bằng việc khai trương một chi nhánh của công ty bảo hiểm nhân thọ Bắc Mỹ (LINA). Thực ra công ty LINA đã hoạt động kinh doanh trước khi mở cửa chính thức thị trường bảo hiểm nội địa. Hai năm sau, Chính phủ đã cấp quyền thành lập các công ty bảo hiểm con và kinh doanh chung cho các nhà đầu tư nước ngoài ở Hàn Quốc. Trong giai đoạn 1989- 1997, 5 công ty nước ngoài (3 công ty con và 2 chi nhánh) và 7 dự án kinh doanh chung đã được nhận giấy phép tham gia trên thị trường bảo hiểm nhân thọ hàn Quốc. Vào năm tài chính 1996, 11 công ty bảo hiểm nhân thọ với sở hữu nước ngoài hoặc cổ phiếu nước ngoài đã bị thua lỗ tổng cộng hơn 350 triệu USD.

Có 3 công ty của Mỹ với các chi nhánh ở Hàn Quốc đã tham gia vào thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Tổng số phí bảo hiểm mà 3 công ty này thu được chiếm ít hơn 0,5% thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Hàn Quốc.

Từ năm 1994 đến đầu năm 1997, nhận thức được sự quá tải trên thị trường bảo hiểm, Chính phủ đã hạn chế việc cấp giấy phép kinh doanh, thành lập các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ mới cho các công ty trong và ngoài nước. Ngày

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1/3/1997, Hàn Quốc lại bắt đầu phát hành giấy phép kinh doanh mới cho các công ty bảo hiểm. Các công ty bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ nước ngoài phải thỏa mãn các yêu cầu tối thiểu về tư bản (30 tỷ USD) như các công ty trong nước và phải trình ra tuyên bố của các nhà điều tiết ở nước họ về việc xác nhận tình trạng tài chính vững mạnh của công ty.

2.1.3. Mở cửa lĩnh vực chứng khoán

Thị trường chứng khoán, từ 1981, dần dần được mở cho sự tham gia của nước ngoài. Thời kỳ đầu của quá trình tự do hóa, Hàn Quốc cho phép đầu tư danh mục gián tiếp nước ngoài thông qua các công ty tín thác hải ngoại và cho phép các công ty chứng khoán nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện tại Hàn Quốc. Năm 1984, Quỹ Hàn Quốc được quyền gia nhập danh sách trao đổi chứng khoán New York nhằm tăng thêm độ sâu của các thị trường tài chính và tới năm 1990, công ty Samsung đã trở thành công ty đầu tiên được phép đưa ra doanh số tiền gửi trên các thị trường nước ngoài.

Sau những bước thăm dò ban đầu đối với quá trình tự do hóa ngành công nghiệp chứng khoán quốc gia, nhịp độ tự do hóa đã gia tăng. Năm 1991, các công ty chứng khoán nước ngoài đã được phép rộng rãi mở các chi nhánh ở Hàn Quốc và tham gia công việc kinh doanh với các công ty trong nước. Cũng trong năm 1991, câu lạc bộ thành viên trên thị trường chứng khoán Hàn Quốc được mở cho sự tham gia thị trường nước ngoài. Năm 1992, các nhà chức trách Hàn Quốc mở cửa thị trường trong nước cho đầu tư danh mục nước ngoài, kiểm soát các hạn chế trong tổng đầu tư danh mục bởi người nước ngoài. Mức trần ban đầu đối với đầu tư danh mục nước ngoài, đối với các nhà đầu tư cá thể, là 3% đóng góp trong công ty và đối với tổng đầu tư nước ngoài, 10% tổng số đầu tư danh mục. Tổng số đầu tư danh mục nước ngoài chiếm 3% các cổ phiếu chưa thanh toán vào cuối quý I năm 1992, và tới cuối năm 1994, tổng lượng đầu tư danh mục nước ngoài đã đạt được mức trần 10%. Từ 1994, các nhà đầu tư nước ngoài được phép sử dụng các trái phiếu chuyển đổi do các công ty vừa và nhỏ phát hành, song những chủ thể phải chịu 50% mức trần đối với tổng sở hữu nước ngoài và 10% đối với sở hữu cá thể nước ngoài.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thị trường cổ phiếu ở Hàn Quốc bắt đầu mở rộng từ giữa những năm 1980. Chỉ số thị trường chứng khoán tăng từ 272 năm 1986 đến 525 năm 1987, và tới năm 1989 là 1007. Mặc dù sự tự do hóa có đóng góp cho việc lớn mạnh của một thị trường cổ phiếu, sự tăng trưởng nhanh chóng của thị trường chứng khoán trong những năm cuối thập kỷ 80 là do thặng dư lớn của cán cân vãng lai và khả năng thanh khoản dư thừa trên thị trường giữa những năm 1986 và 1989. Trong năm 1989 bong bóng thị trường chứng khoán nổ và đến vuối năm 1990 chỉ số của thị trường giảm xuống còn 696. Thị trường chứng khoán từ đó trở nên tương đối bất ổn định. Từ năm 1986, Chính phủ đã sử dụng mạnh trái phiếu chính phủ (tương phản với chính sách tín dụng) để quản lý lượng cung ứng tiền tệ và từ năm 1989, thị trường nợ của các công ty đã trở thành nguồn tư bản có ấn tượng cho các công ty Hàn Quốc. Trong năm 1995, giá trị của các trái phiếu được buôn bán đã lớn hơn giá trị các cổ phiếu được trao đổi xấp xỉ 50%.

Cùng với việc các định chế tài chính xâm nhập vào thị trường Hàn Quốc, các ngân hàng, các công ty, bảo hiểm và các công ty chứng khoán của nước này cũng tích cực thành lập văn phòng chi nhánh và công ty con ở những trung tâm tài chính quốc tế lớn.

2.2. Tự do hóa tỷ giá hối đoái

Trong cả thập kỷ 80, tỷ giá hối đoái được xác định thông qua hệ thống rổ tiền tệ- Multiple Currency basket peg system (MCBS).

Đầu năm 1988, Hàn Quốc bắt đầu giảm bớt sự hạn chế đối với các giao dịch ngoại hối. Trong năm này, Hàn Quốc đồng ý thực hiện theo điều khoản VIII của IMF trong việc kiểm soát tỷ giá hối đoái (nghiêm cấm việc đánh thuế đối với những khoản thanh toán và chuyển đổi của những khoản giao dịch thanh toán vãng lai). Thị trường chọn mua ngoại tệ được mở ra sau đó và vào năm 1990, MCBS đã bị thay thế bởi Hệ thống tỷ giá trung bình của thị trường (MAR). Dưới hệ thống MAR, tỷ giá hối đoái hàng ngày của đồng won so với dồng đô la được tính dựa trên cơ sở các giao dịch won/USD của ngày hôm trước. Tỷ giá won/USD được dao động tối đa 0,4% một ngày.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Bộ tài chính điều khiển việc kiểm soát ngoại hối thông qua một bản phác thảo về đạo luật kiểm soát ngoại hối (FECA). Đạo luật kiểm soát ngoại hối được sửa đổi năm 1991, thay thế hệ thống trao đổi ngoại hối tiêu cực bằng hệ thống ngoại hối tích cực; theo đó toàn bộ các giao dịch được phép hoạt động trừ những giao dịch đặc biệt bị chính phủ cấm chứ không phải là chỉ cho phép những giao dịch nước ngoài được chính phủ chấp thuận.

2.3. Tự do hóa tài khoản vốn

Từ 1980 đến 1984, điểm đáng chú ý nhất là thông qua các thể chế tài chính công cộng và vay công cộng, Hàn Quốc liên tục bị thâm hụt tài khoản vãng lai và bởi vậy vẫn duy trì sự kiểm soát chặt chẽ đối với các dòng vốn chạy ra trong khi hạn chế các luồng vốn vào. Các ngân hàng nước ngoài đã được phép tham gia vào thị trường để nhằm thu hút nguồn vốn nước ngoài. Từ 1985 đến 1989, tình hình đã được cải thiện, Hàn Quốc đạt thặng dư tài khoản vãng lai. Trong giai đoạn này, Chính phủ bắt đầu tự do hóa các luồng vốn chạy ra nhưng siết chặt hơn các dòng vốn vào. Năm 1990, do sự giảm phát của kinh tế toàn cầu, mức lương trong nước gia tăng và sự lên giá thực tế của đồng won, nền kinh tế Hàn Quốc lại bị thâm hụt tài khoản vãng lai (thâm hụt tài khoản vãng lai ở mức 8,7 tỷ USD năm 1991). Đối diện với khó khăn kinh tế này, chính phủ Hàn Quốc một lần nữa lại tự do hóa tài khoản vốn thông qua việc áp dụng Bộ luật quản lý ngoại hối (FEMA). Theo bộ luật này, các dòng vốn vào sẽ được tự do hóa và những hạn chế về đầu tư trực tiếp bởi người phi cư trú hoàn toàn được dỡ bỏ. Sau tháng 1/1992, các nhà đầu tư nước ngoài có thể trực tiếp đầu tư vào thị trường chứng khoán Hàn Quốc với mức giới hạn là 10% tổng vốn cổ phần của một công ty niêm yết.

Như vậy là từ đầu những năm 1980 cho đến 1997, Chính phủ Hàn Quốc đã có nhiều nỗ lực nhằm tự do hóa tài chính. Có thể thấy rằng những thay đổi chính sách đều hướng vào tự do hóa tài chính. Tuy nhiên, ở thời điểm ban đầu, chính sách này được tiến hành một cách thụ động nhưng sau đó Hàn Quốc đã điều chỉnh mang tính khả thi hơn. Ba nhân tố được coi là động lực thúc đẩy tiến trình tự do hóa tài chính là: sự phát triển của khu vực tư nhân; yêu cầu về hội nhập kinh tế quốc tế nhất là ở các khía cạnh tính minh bạch và tương thích với các chuẩn mực quốc tế và

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

những rối loạn tài chính quy mô lớn đòi hỏi phải điều chỉnh chính sách can thiệp của chính phủ theo hướng tự do hóa tài chính.

Trong suốt quá trình đó, hệ thống tài chính Hàn Quốc đã được cải thiện một cách đáng kể. Thị trường tài chính Hàn Quốc trở nên cạnh tranh hơn và các tổ chức tài chính nội địa đã trải qua những thách thức cạnh tranh với những tổ chức tài chính nước ngoài ngày càng lớn mạnh và hoạt động có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn tồn tại những hạn chế, những hạn chế đã làm cho nền kinh tế nước này rơi vào tình trạng bất ổn và cuối cùng đi đến khủng hoảng vào cuối năm 1997.

Dợới đây là một số hạn chế của tiến trình tự do hóa tài chính trong giai đoạn này:

Thứ nhất, sự tự do hóa tài chính của Hàn Quốc tập trung phần lớn vào việc mở cửa thị trường vốn ngắn hạn trước khi mở cửa thị trường vốn dài hạn.

Trong quá trình đó, rất nhiều các tập đoàn lớn (chaebol) và các ngân hàng thương mại đã phụ thuộc quá nhiều vào các khoản vay ngắn hạn từ nước ngoài, do đó họ đã phải đối mặt với sự thiếu vốn trầm trọng khi đồng won của Hàn Quốc bị mất giá quá mức trong suốt cuộc khủng hoảng.

Thứ hai, tự do hóa tài chính của Hàn Quốc không có sự cân bằng giữa việc mở cửa thị trường tài chính trong nước và đầu tư nước ngoài của các các ngân hàng và các công ty nội địa. Hàn Quốc đã miễn cưỡng mở cửa thị trường tài chính (dưới sức ép từ phía Mỹ cũng như các tổ chức quốc tế) trong khi lại tự do hóa các khoản vay nước ngoài cho các tổ chức tài chính trong nước. Những biện pháp này không chỉ khuyến khích các khoản vay mạo hiểm của các tổ chức tài chính nội địa mà còn tạo ra một vấn đề là rủi ro đạo đức. Thêm vào đó, hầu hết các tổ chức tài chính Hàn Quốc đều tham gia vào việc vay vốn nước ngoài với lãi suất thấp và các khoản vay của các chaebol trong nước hoạt động không hiệu quả hoặc để đầu cơ vào các thị trường vốn mới nổi khác như Thái Lan nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Kết quả là, các tổ chức tài chính Hàn Quốc đã bị mất một khoản lớn do thiếu một cơ chế đầu tư hợp lý cho những khoản vốn đầu tư mang tính chất đầu cơ này trước thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ ba, tự do hóa tài chính ở Hàn Quốc đã không được thực hiện đồng loạt trên tất cả các bộ phận của thị trường. Ví dụ, Chính phủ Hàn Quốc đã tiếp tục tăng mức trần về đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu, trong khi đó lại trì hoãn việc này trên thị trường trái phiếu. Kể từ khi đầu tư vào thị trường trái phiếu là một biện pháp quan trọng trong chiến lược đầu tư gián tiếp, nó chỉ đóng vai trò một cơ chế thay thế để giảm bớt sự chảy ra của các dòng vốn. Việc mở cửa thị trường trái phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài sẽ là một cơ chế thay thế hiệu quả nhằm ngăn cản các dòng vốn ra thông qua việc tăng lãi suất để đối phó với sự sụp đổ của thị trường chứng khoán năm 1997.

Chính vì sự tự do hóa quá vội vàng, không có cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ, Hàn Quốc đã phải trả giá bằng việc lâm vào khủng khoảng tài chính cuối năm 1997. Cũng từ đây, tiến trình tự do hóa tài chính của Hàn Quốc bước sang một giai đoạn mới. Trong phần II dưới đây, chúng ta sẽ tìm hiểu về tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO của Hàn Quốc (tức là khi bản cam kết về hiệp định GATS của Hàn Quốc được WTO thông qua và nước này buộc phải thực hiện những cam kết tối thiểu mà mình đã cam kết trong đó).

II. Tự do hóa tài chính của Hàn Quốc trong khuôn khổ WTO

1. Cam kết của Hàn Quốc về tự do hóa tài chính theo WTO

Là một thành viên của WTO, Hàn Quốc bắt buộc phải tuân thủ những nguyên tắc chung của GATS. Đó là những nguyên tắc chung về việc tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc như đã được trình bày ở trên. Tuy nhiên, việc mở cửa thị trường nội địa và mức độ mở cửa trong các lĩnh vực cụ thể như thế nào là tùy thuộc vào quá trình đàm phán giữa Hàn Quốc và các thành viên khác.

Ngày 15/04/1994, Hàn Quốc lần đầu tiên trình lên WTO Bản cam kết cụ thể về Thương mại Dịch vụ. Tiếp đó là Bản cam kết cụ thể bổ sung số 1 (28/07/1995), Bản sửa đổi bổ sung số 1 (04/10/1995), Bản cam kết cụ thể bổ sung số 2 (11/04/1997), Bản cam kết cụ thể bổ sung số 3 (26/02/1998) và cuối cùng là bản Sửa đổi bổ sung số 3 (18/11/1999).

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Dưới đây là nội dung cam kết cụ thể về tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO của Hàn Quốc.

1.1. Cam kết chung về dịch vụ tài chính

Đối với 3 phương thức cung cấp đầu (thương mại qua biên giới, tiêu dùng ở nước ngoài và hiện diện thương mại), Hàn Quốc đã ký kết một bản cam kết không thay đổi về hạn chế tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia, tại đó những cam kết cụ thể về dịch vụ tài chính được liệt kê trong biểu cam kết này sẽ được thực hiện vào 30/6/1995.

Cung cấp qua biên giới các dịch vụ tài chính và cung cấp qua sự di chuyển của người tiêu dùng có thể không bao hàm tiền tệ của Hàn Quốc. Sau khi thành lập hiện diện thương mại, các tổ chức tài chính chỉ có thể thực hiện các giao dịch được thanh toán bằng tiền Hàn Quốc với người cư trú. Các giao dịch bằng đồng ngoại tệ hoặc giao dịch với người phi cư trú phải được sự thông qua của các cơ quan có thẩm quyền.

Chính phủ nước này đồng thời cũng hạn chế sự quản lý và điều hành các tài sản của một tổ chức tài chính. Theo bản cam kết này, một tổ chức tài chính có thể không sở hữu bất động sản phi kinh doanh. Các tài sản được sở hữu bởi các chi nhánh phải được giữ trong lãnh thổ Hàn Quốc. Vốn của công ty mẹ không được coi là nền tảng cơ sở để mở rộng các quỹ và thực hiện các hoạt động cho vay của chi nhánh.

Chính phủ sẽ điều chỉnh lãi suất của các khoản vay tài trợ cho chính phủ, các khoản vay được tái chiết khấu bởi Ngân hàng Hàn Quốc (BOK) và các khoản tiền gửi ngắn hạn dưới một năm (trong trường hợp thiết lập các khoản tiền gửi tiết kiệm dưới 2 năm).

Tất cả các lãi suất tiền gửi ngoại trừ các lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và những loại tương tự sẽ được tự do hóa vào năm 1996- 1997.

Chính phủ cũng cho phép lưu hành một số sản phẩm tài chính mới bao gồm các chứng khoán phái sinh. Những sản phẩm này sẽ được chấp nhận rộng rãi hơn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thông qua việc tự do hóa lãi suất và tự do hóa ngoại hối. Tuy nhiên chúng phải chịu sự điều chỉnh của các luật lệ và quy tắc có liên quan.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1.2. Cam kết về bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1.2.1. Về loại hình tổ chức

Đối với loại hình bảo hiểm phi nhân thọ, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép thành lập các công ty liên doanh, tuy nhiên không được phép có quá nhiều cổ đông nước ngoài và cổ phần các cổ đông này nắm giữ phải vượt quá 49%.

Các công ty nước ngoài cũng được phép thành lập đại diện hoặc chi nhánh của các công ty bảo hiểm phi nhân thọ. Trong bảo hiểm lòng tin và bảo hiểm chắc chắn, loại hình lưỡng độc quyền bán (tức tình trạng thị trường do 2 công ty độc quyền kiểm soát) của hai công ty chuyên doanh được phép tồn tại.

Các đại lý độc quyền hoặc đại lý kép trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ được phép hoạt động trong tiểu ngành trung gian bảo hiểm.

1.2.2. Về loại hình dịch vụ

Đối với phương thức cung cấp qua biên giới, Hàn Quốc hoàn toàn không cam kết về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia trong các loại hình bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ (ngoại trừ bảo hiểm hàng không và bảo hiểm xuất nhập khẩu bằng đường biển), trung gian bảo hiểm và dịch vụ giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên lại không hạn chế đối với loại hình tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm.

Đối với phương thức tiêu dùng ở nước ngoài: cũng giống như phương thức 1, người tiêu dùng trong nước bị hạn chế về việc tiêu dùng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, trung gian bảo hiểm và dịch vụ giải quyết khiếu nại ở nước ngoài. Riêng đối với loại hình tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm thì người tiêu dùng lại được phép mua ở nước ngoài.

Đối với phương thức hiện diện thương mại, các chi nhánh và văn phòng đại diện được phép cung cấp tất cả các loại hình bảo hiểm được liệt kê trong bản cam kết ngoại trừ dịch vụ giải quyết khiếu nại.

Đối với phương thức hiện diện thể nhân, Hàn Quốc không cam kết ngoại trừ các cam kết chung.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1.3. Cam kết về ngân hàng và các dịch vụ liên quan đến ngân hàng

1.3.1. Về loại hình tổ chức

Các tổ chức tín dụng nước ngoài được thiết lập hiện diện thương mại tại Hàn Quốc dưới các hình thức như: Văn phòng đại diện, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

Từ tháng 4/1998, Các ngân hàng nước ngoài được phép thành lập các chi nhánh thuộc địa phương tại Hàn Quốc với mức vốn tối thiểu là 25 tỷ won. Và từ tháng 5/1998, các ngân hàng Hàn Quốc có thể thuê các cá nhân nước ngoài làm giám đốc.

Ngân hàng 100% vốn nước ngoài sẽ được phép hoạt động tại Hàn Quốc kể từ tháng 4/1997.

Theo bản cam kết này, bất cứ ngân hàng nước ngoài nào tham gia vào thị trường Hàn Quốc đều được đối xử công bằng như các ngân hàng trong nước.

1.3.2. Về loại hình dịch vụ

Hàn Quốc cam kết các loại hình dịch vụ được cung cấp theo như phụ lục về dịch vụ tài chính ngân hàng của GATS, cụ thể như: cho vay, nhận tiền gửi, cho thuê tài chính, kinh doanh ngoại tệ, các công cụ thị trường tiền tệ, các công cụ phái sinh, môi giới tiền tệ, quản lý tài sản, cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ, tư vấn và thông tin tài chính…

1.3.3. Một số quy định về tiếp cận thị trường

Các tổ chức tài chính nước ngoài sẽ được phép mua cổ phần của các ngân hàng trong nước vào năm 1996- 1997.

Vị thế ngoại hối được quy định: Vị thế bán quá mức ngoại hối giao ngay là 3% mức trung bình tháng trước ngang bằng với các hối phiếu đã mua, 3 triệu USD hoặc 2% vốn (tùy xem cách tính nào lớn nhất)

Các hạn chế về tiền gửi và các dịch vụ liên quan:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Hạn chế phát hành các chứng chỉ tiền gửi (CDs) đối với các khoản vốn lớn hơn 400% hoặc 35 tỷ won. Thời gian đáo hạn của các CDs bị hạn chế từ 60- 270 ngày, và mệnh giá tối thiểu của nó là 30 triệu won.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Mệnh giá tối thiểu sẽ được cắt giảm và thời gian đáo hạn sẽ được mở rộng vào năm 1996- 1997.

- Các khoản tiền gửi với mục đích riêng như các khoản trả góp nhà chỉ có thể được thực hiện bởi các tổ chức được chỉ định.

Các hạn chế về cho vay và các dịch vụ liên quan:

- Các khoản vay ngoại tệ bị hạn chế về mức trần và quyền sử dụng.

- Cần có các khoản cho vay ủy thác đối với các công ty vừa và nhỏ.

Hạn chế về các dịch vụ ngoại hối:

- Các yêu cầu về chứng từ cơ bản áp dụng cho các giao dịch ngoại hối.

- Các yêu cầu chứng từ cơ bản là các khai báo sau trong trường hợp các giao dịch kỳ hạn.

- Trong các trường hợp sau các đòi hỏi về chứng từ cơ bản được miễn:

+ Các giao dịch kỳ hạn giữa 2 loại tiền tệ.

+ Các giao dịch kỳ hạn giữa đồng won và 1 ngoại tệ trị giá dưới 10 triệu USD.

+ Các giao dịch tài chính tương lai trên các sở giao dịch.

+ Các giao dịch tài chính tương lai trên thị trường OTC giá trị dưới 20 triệu USD.

Hạn chế về các dịch vụ tín thác:

- Nghiêm cấm thành lập các công ty tín thác bất động sản.

- Một công ty tín thác muốn tham gia vào các hoạt động không phải các hoạt động ngân hàng chính thì phải được sự cho phép của Ủy ban tiền tệ và Bộ tài chính và kinh tế Hàn Quốc. Ủy ban tiền tệ và Bộ Kinh tế và Tài chính Hàn Quốc sẽ cung cấp cho các trụ sở chính giấy phép để điều hành một công ty tín thác tại nước chủ nhà.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Ngoại trừ các quỹ tín thác chuyên biệt, việc mua ủy thác các trái phiếu ổn định tiền tệ là bắt buộc trong việc quản lý tài sản của một công ty tín thác. Tỷ lệ mua sẽ được giảm bớt vào năm 1996- 1997.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tất cả những hạn chế trên được áp dụng với phương thức 3, hiện diện thương mại. Đối với phương thức 1 và 2, Hàn Quốc không có cam kết nào. Còn đối với phương thức 4, Hàn Quốc cũng không cam kết, ngoại trừ các cam kết chung.

1.4. Cam kết về lĩnh vực chứng khoán

1.4.1. Về loại hình tổ chức

Các công ty chứng khoán nước ngoài được phép thành lập các văn phòng đại diện, các chi nhánh, các công ty liên doanh tại Hàn Quốc nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

1.4.2. Về loại hình dịch vụ

- Chỉ các văn phòng đại diện, các chi nhánh hoặc các liên doanh của các công ty chứng khoán nước ngoài mà vốn đã góp của nó hoặc cổ phần của các cổ đông có giá trị lần lượt là hơn 50 tỷ won hoặc 100 tỷ won và những công ty này đã hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán hơn 5 năm mới được phép hoạt động.

- Trong các công ty liên doanh được thành lập như một Chusik Hoesa (một công ty cổ phần) phần vốn nước ngoài phải ít nhất là 40% nhưng nhỏ hơn 50%.

- Nếu có nhiều cổ đông nước ngoài trong công ty liên doanh, ít nhất một cổ đông phải nắm giữ hơn 20% cổ phần. Các nhà đầu tư phải đạt các tiêu chuẩn thích hợp nhất định. Vốn đã góp của công ty liên doanh ít nhất phải là 50 tỷ won. Các tổ chức tài chính quốc tế có thể nắm giữ nhiều nhất là 5% cổ phần.

- Việc mua cổ phần trong một công ty chứng khoán trong nước bởi các công ty chứng khoán nước ngoài bị giới hạn ở mức nhỏ hơn 10% đối với một công ty và nhỏ hơn 15% đối với một tập thể.

Hàn Quốc chỉ cam kết trong các dịch vụ như: giao dịch, môi giới, bảo lãnh, tiết kiệm chứng khoán, trợ cấp tín dụng và đầu tư tín thác. Nói chung là còn rất hạn chế.

Đối với phương thức 1 và 2, Hàn Quốc không có cam kết nào về việc hạn chế tiếp cận thị trường cũng như đối xử quốc gia. Cũng tương tự đối với phương thức 4

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ngoại trừ các cam kết chung. Còn về phương thức hiện diện thương mại, các công ty chứng khoán nước ngoài được phép thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, liên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

doanh với công ty trong nước tuy nhiên phải đáp ứng được các yêu cầu như trên đã trình bày.

Có thể nói rằng với những cam kết như trên mức độ mở cửa khu vực tài chính của Hàn Quốc còn khá e dè. Vẫn tồn tại nhiều hạn chế đối với sự tham gia của nước ngoài. Tuy nhiên, những cam kết trong biểu này chỉ mang tính tối thiểu. Hàn Quốc mở cửa ở mức độ như thế nào, thực hiện đúng cam kết hay cao hơn là tùy thuộc vào chính sách từng thời kỳ cụ thể của Chính phủ nước này.

2. Thực trạng tự do hóa tài chính của Hàn Quốc theo cam kết tự do hóa tài chính trong WTO

Trong suốt quá trình tự do hóa tài chính từ đầu những năm 1980 cho đến trước năm 1997, như đã được đề cập ở trên, có thể thấy rằng hệ thống tài chính Hàn Quốc đã được cải thiện một cách đáng kể. Tuy nhiên những sai lầm trong tiến trình thực hiện tự do hóa tài chính đã khiến cho nền kinh tế Hàn Quốc trở nên dễ bị tổn thương và đã lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997- 1998.

Vào thời điểm đó, Hàn Quốc có một gánh nặng nợ nước ngoài khổng lồ. Các công ty nợ ngân hàng trong nước, còn ngân hàng trong nước lại nợ ngân hàng nước ngoài. Các nhà đầu tư đồng loạt rút vốn khỏi Hàn Quốc do mất lòng tin vào nền kinh tế nước này. Một vài vụ vỡ nợ xảy ra. Hàn Quốc đã phải cầu cứu sự giúp đỡ của IMF với một khoản vay trọn gói lên tới 57 tỷ USD nhằm ổn định lại nền kinh tế trong cơn khủng hoảng. Đáp lại, Hàn Quốc phải cam kết mở cửa hơn nữa thị trường tài chính.

Lúc này, Hàn Quốc ở trong một tình thế vô cùng bất lợi. Chính phủ Hàn Quốc tiến hành các cuộc đàm phán về hiệp định dịch vụ tài chính với WTO song song với việc thương lượng với IMF. Hàn Quốc đã buộc phải tuân thủ những cam kết với OECD là mở cửa ngành ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán cho cạnh tranh nước ngoài trong khuôn khổ những thỏa thuận của WTO. Từ cuối tháng 12/ 1997, Hàn Quốc đã thực thi kế hoạch mở cửa khu vực dịch vụ tài chính cho cạnh tranh nước ngoài với nhịp độ, trong vài trường hợp còn nhanh hơn cả kế hoạch được phác thảo trong giao ước của nó với OECD. Những dự thảo luật mới về giám sát và điều tiết khu vực dịch vụ tài chính được thông qua ngay sau đấy cùng với các

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

dự thảo luật về quan hệ sở hữu có thể chấp nhận được giữa người nước ngoài và người Hàn Quốc trong các công ty của Hàn Quốc. Đầu năm 1998, hệ thống tài chính của Hàn Quốc bắt đầu một quá trình lâu dài trong việc tái cơ cấu và tái tổ chức.

2.1. Những kết quả đạt được

Kế hoạch sửa đổi bản cam kết về dịch vụ tài chính của Hàn Quốc trong khuôn khổ WTO bắt đầu có hiệu lực từ tháng 9/1999. Sau khi hầu hết các giao dịch ngoại hối được tự do hóa vào năm 2001, các nhà chức trách Hàn Quốc đã xóa bỏ hầu hết các hạn chế về thị trường ngoại hối. Các chi nhánh tài chính và các ngân hàng nước ngoài không cần phải xin phép Ngân hàng Hàn Quốc (BOK) để thực hiện các giao dịch tài chính thậm chí cả các giao dịch tài khoản vốn. Chính phủ Mỹ sẽ tiếp tục đàm phán với Hàn Quốc nhằm đảm bảo nước này thực hiện đầy đủ các cam kết về dịch vụ tài chính với WTO và OECD, đồng thời đối xử công bằng hơn đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính nước ngoài. Việc tự do hóa diễn ra trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán đều đã đạt được những kết quả tích cực.

2.1.1. Lĩnh vực ngân hàng

Do hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, Chính phủ Hàn Quốc đã bơm hơn 86,7 nghìn tỷ won (tương đương 72,3 tỷ USD) từ các quỹ công vào hệ thống ngân hàng thương mại và đã quốc hữu hóa một cách hiệu quả hệ thống này. Chính phủ Mỹ và IMF liên tục thúc ép Hàn Quốc phải tư nhân hóa các Ngân hàng Nhà nước để làm cho các nguồn lực tài chính được phân bổ hiệu quả hơn đồng thời gia tăng lòng tin của các nhà đầu tư vào nền kinh tế nước này. Đáp lại, Hàn Quốc đã bắt đầu tư nhân hóa các Ngân hàng Nhà nước cho phép nguồn lực được phân bổ hiệu quả hơn và tăng cường lòng tin của các nhà đầu tư. Năm 2004, chính phủ Hàn Quốc đã bán 21% cổ phần trong ngân Hàng Hana. Kết quả là, vào cuối tháng 9/2004, cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài trong ngân hàng Hana đã tăng lên là 68,3% từ mức 37,9% cuối năm 2003. Từ đầu năm 2002, Hàn Quốc đã điều chỉnh các luật lệ nhằm cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài vay vốn từ ngân hàng mẹ và được phép coi các khoản vay ròng như là nguồn vốn loại B. Tuy nhiên,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

chính phủ Hàn Quốc không cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng vốn của công ty mẹ để đáp ứng các yêu cầu hạn chế mức cho vay và tiếp tục hạn chế các hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở những đòi hỏi về dung lượng vốn đối với các chi nhánh. Những hạn chế này bao gồm các hạn chế về: (1) các khoản vay cho các khách hàng cá nhân; (2) giao dịch ngoại hối; và (3) những yêu cầu thanh toán và mức vốn phù hợp trong các ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài sẽ được sử dụng tỷ lệ cho vay tương tự như các ngân hàng Hàn Quốc với điều kiện là phải phân bổ một phần nhất định cho các công ty Hàn Quốc chứ không phải là cho 4 tập đoàn hàng đầu cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các ngân hàng nước ngoài được phép thành lập các chi nhánh hoặc các chi nhánh trực tiếp. Từ năm 1998, chính phủ Hàn Quốc đã mở cửa thị trường vốn cho người nước ngoài, cho phép các định chế tài chính nước ngoài thực hiện các vụ mua lại và sáp nhập thân thiện đối với các định chế tài chính trong nước. Tất cả các ngân hàng Hàn Quốc bắt đầu đối mặt với một hệ thống điều tiết không minh bạch và phải tìm kiếm sự cho phép trước khi phát hành các sản phẩm và dịch vụ mới-một lĩnh vực mà các ngân hàng nước ngoài hết sức cạnh tranh. Tháng 4/1999 Luật ngoại hối đã công bố giai đoạn đầu tiên của tự do hóa các giao dịch xuất nhập khẩu và ngoại hối. Giai đoạn hai của tự do hóa ngoại hối sẽ có hiệu lực từ 1/1/2001 và phi điều tiết các giao dịch về vốn và ngoại hối cho các cá nhân, tuy nhiên, một vài những hạn chế về giao dịch ngoại hối và các chứng khoán phái sinh của các tổ chức tài chính và các tập đoàn vẫn tồn tại, được áp dụng với cả các tổ chức trong nước và nước ngoài. Năm 2005, các thành viên trong Quốc hội Hàn Quốc đã đưa ra một dự thảo luật quy định về vấn đề cư trú và quốc tịch của các thành viên hội đồng quản trị trong các ngân hàng Hàn Quốc. Hoa Kỳ cho rằng việc áp dụng những biện pháp như vậy hoặc tương tự sẽ gây ra những tác động tiêu cực.

2.1.2 Lĩnh vực bảo hiểm

Hàn Quốc là nước có thị trường bảo hiểm lớn thứ 2 tại châu Á, sau Nhật Bản, với tổng số phí bảo hiểm đã trả đạt 51 tỷ USD trong năm tài khóa kết thúc vào 31/3/2004. Môi trường hoạt động cho các công ty bảo hiểm nước ngoài đã được cải thiện đáng kể từ khi Hàn Quốc thực hiện một loạt những thay đổi cơ chế trong quá

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

trình gia nhập OECD. Cuộc khủng hoảng tài chính 1997- 1998 đã dẫn tới cuộc tái cơ cấu đầy tham vọng ngành bảo hiểm Hàn Quốc. Năm 1998, Ủy ban giám sát tài chính mới (FSC) được thành lập. FSC đã hủy bỏ việc cấp phép cho một số công ty bảo hiểm, buộc một số các công ty bảo hiểm khác đang trên đà phá sản phải sáp nhập với các công ty khác, và hỗ trợ cho 16 công ty bảo hiểm thông qua chương trình giám sát của FSC. Chính phủ Hàn Quốc đã dần dần mở cửa cho sự du nhập của nước ngoài vào thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ đồng thời xóa bỏ một vài hạn chế về thiết lập quan hệ đối tác của các công ty bảo hiểm nước ngoài với các công ty tài chính Hàn Quốc và việc thuê các chuyên gia bảo hiểm Hàn Quốc. Vào tháng 4/1998, Hàn Quốc đã tự do hóa dịch vụ định giá bảo hiểm và các hoạt động lệ thuộc vào sự quản lý các quỹ lương hưu và bảo hiểm. Cũng trong thời gian này, thị trường môi giới bảo hiểm cũng được mở cửa cho các công ty nước ngoài. Một vài công ty tái bảo hiểm nước ngoài cũng đã vào thị trường Hàn Quốc. Vào tháng 4/2003, Quốc hội nước này đã thông qua một bộ luật bảo hiểm mới, cắt giảm một cách hiệu quả các luật lệ và quy định đối với công ty bảo hiểm nước ngoài. Bộ luật này cũng đã cắt giảm các yêu câu tối thiểu về vốn hoạt động đối với các công ty bảo hiểm trên mạng, chuyển từ hệ thống cấp phép sang hệ thống khai báo cho việc phát hành các sản phẩm bảo hiểm mới và sự gia nhập vào các ngành phụ trợ, đồng thời giảm bớt các luật lệ liên quan đến quản lý tài sản của các công ty bảo hiểm. Bất chấp những cải thiện này, thị trường bảo hiểm Hàn Quốc vẫn duy trì một khoảng cách khá xa so với thị trường bảo hiểm của nhiều quốc gia phát triển khác.

2.1.3. Lĩnh vực chứng khoán

Tháng 5/1996 đã có 19 chi nhánh của các công ty chứng khoán nước ngoài và 2 công ty chứng khoán địa phương với hình thức sở hữu nước ngoài nhỏ ở Hàn Quốc. Theo cam kết của Hàn Quốc với OECD, các công ty chứng khoán nước ngoài từ các nền kinh tế OECD được phép thành lập các công ty con ở hàn Quốc và nắm phần lớn sở hữu trong các hoạt động kinh doanh từ 1/12/1998. Kế hoạch cho sự tham gia của nước ngoài trong ngành công nghiệp chứng khoán Hàn Quốc được tiến hành ngay sau đó và được mở rộng cho tất cả các công ty nước ngoài. Theo

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thỏa thuận về dịch vụ tài chính với WTO, Hàn Quốc đã đưa ra đề nghị xem xét lại các hạn chế đối với sự tham gia cổ phiếu của nước ngoài trong các công ty cổ phiếu đang tồn tại, các tín thác đầu tư và các dịch vụ tư vấn đầu tư. Các công ty đầu tư nước ngoài giờ đây theo dự kiến sẽ được phép thành lập các công ty con ở Hàn Quốc từ giữa năm 1998.

Trong thỏa thuận của Hàn Quốc với OECD, trần đối với tổng đầu tư danh mục nước ngoài dự trù tăng tới 26% vào năm 1998 và hủy bỏ vào cuối năm 2000. Theo các phương thức mở cửa thị trường đặc biệt khác trong thỏa thuận của Hàn Quốc với OECD, nó không đáp ứng được yêu cầu về mở cửa các dịch vụ tài chính của WTO như đã được thông qua ngày 13/12/1997. Sau đó Hàn Quốc tiếp tục cam kết mở cửa thị trường hơn nữa trong cam kết với IMF. Cuối tháng 12 năm 1997, trần đối với sở hữu cổ phiếu nước ngoài ở Hàn Quốc tăng lên 55%. Dự kiến sẽ loại bỏ vào cuối năm 1998. Trần đối với sở hữu cổ phiếu cá nhân cũng tăng vào tháng 12/1997 từ 7% lên 50%. Và đầu năm 1998, Hàn Quốc cũng thông qua quy định cho phép các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 1/3 cổ phiếu chưa thanh toán của công ty cho dù Ban giám đốc có chấp thuận hay không.

Vào ngày 24/6/2000, Chính phủ Hàn Quốc đã xóa bỏ những hạn chế về phát hành trái phiếu và cổ phiếu bằng đồng nội tệ của các công ty nước ngoài. Chính phủ Hàn Quốc không còn áp đặt bất cứ một hạn chế nào về quyền sở hữu nước ngoài các trái phiếu hoặc thương phiếu được niêm yết, không còn hạn chế về sở hữu nước ngoài các loại chứng khoán được giao dịch trên thị trường nội địa. Nước này cũng đã xóa bỏ hầu hết các mức trần đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Hàn Quốc. Vào tháng 5/1998, mức trần về đầu tư chứng khoán bởi người nước ngoài trong các công ty tư doanh đã hoàn toàn được xóa bỏ. Đối với các công ty thuộc sở hữu nhà nước, mức trần đã được tăng lên 30% từ 18% năm trước. Mức trần về đầu tư chứng khoán trong các công ty tư nhân đã giảm mạnh: 23% vào tháng 5/1997, 26% tháng 10/1997, 55% tháng 12/1997 và 100% vào tháng 5/1998. Đầu tư nước ngoài vào cổ phần của các công ty tư nhân hoàn toàn được tự do hóa chỉ 6 tháng sau cuộc khủng hoảng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Trên thị trường trái phiếu, các hoạt động đầu tư và giao dịch cả trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, vốn không được cho phép đối với người nước ngoài cho tới tháng 10/1997 đã hoàn toàn được tự do hóa vào cuối năm này. Một vài những biện pháp mở cửa quan trọng khác là:

(1) Mở cửa thị trường thương phiếu và hối phiếu thương mại vào tháng 2/1998.

(2) Tất cả các công cụ thị trường tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi (CDs) và giao ước mua lại (RPs) được mở cửa vào tháng 5/1998.

(3) Cho phép giao dịch các trái phiếu đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán OTC vào tháng 5/1998.

(4) Giao dịch các trái phiếu không được niêm yết được cho phép vào tháng 7/1998.

Hơn thế nữa, chính phủ đã thực hiện một loạt các hoạt động nhằm tự do hóa thị trường ngoại hối. Vào tháng 7/1998, các khoản vay nước ngoài trung hạn đã được cho phép nhằm dễ dàng hóa việc vay vốn từ nước ngoài của các khu vực kinh doanh. Vào tháng 4/1999, Bộ luật quản lý ngoại hối (FEMA), một thời gian dài từng là cơ sở luật pháp để kiểm soát ngoại hối tại nước này đã được thay thế bằng Bộ luật giao dịch ngoại hối (FETA) để thúc đẩy hơn nữa tiến trình tự do hóa. Việc phát hành chứng khoán ra nước ngoài cũng như việc vay vốn của các công ty và tổ chức tài chính của Hàn Quốc trở nên dễ dàng hơn nhiều. Từ năm 2001, rất nhiều hạn chế về giao dịch ngoại hối của cá nhân người nước ngoài cũng như Hàn Quốc đã được xóa bỏ.

Vào cuối tháng 10/2004 các nhà đầu tư nước ngoài sở hữu hơn 43,8% cổ phần trên thị trường chứng khoán Hàn Quốc (Số liệu thống kê của chính phủ Hàn Quốc). Mặc dù đã được tự do hóa nhưng các công ty chứng khoán nước ngoài tại Hàn Quốc vẫn phải đối mặt với những rào cản nhất định trong các hoạt động của mình.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Các luật lệ của Hàn Quốc, phần lớn ngăn cấm hình thức thương mại dịch vụ tài chính qua biên giới. Và nó đã trở thành nội dung quan trọng trong các cuộc đàm phán về GATS của nước này với WTO. Mặc dù, về nguyên tắc, các dịch vụ ngân

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hàng qua biên giới là bị cấm, nhưng một số các giao dịch qua biên giới vẫn có thể thực hiện dưới bộ luật mới FETA (mở cửa từng phần). Đối với thương mại qua biên giới, các khoản đầu tư vào quỹ tương hỗ và ngân hàng được mở cửa một phần, các giao dịch chứng khoán không được tự do trong khi dịch vụ tư vấn đầu tư và bảo hiểm nhân thọ lại được mở cửa hoàn toàn. Vào tháng 3/2002, có 61 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 26 văn phòng đại diện nước ngoài tại Hàn Quốc.

Bằng quyết tâm hợp tác với IMF và nỗ lực thực hiện những cam kết cải cách toàn diện với WTO, tự do hóa tài chính trong giai đoạn này đã được thực hiện một cách nhanh chóng với một lộ trình hợp lý. Chính điều đó đã đưa Hàn Quốc nhanh chóng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính châu Á. Khả năng phục hồi nhanh chóng của Hàn Quốc khiến thế giới kinh ngạc không kém gì với sự phát triển kinh tế thần kỳ trước đó. Dự trữ ngoại tệ quốc gia tổng cộng chỉ đạt 8,9 tỷ đô la Mỹ cuối năm 1997 đã tăng lên 215,9 tỷ đô la Mỹ tính đến tháng 2/2006 và Hàn Quốc đã có thể trả khoản vay cứu trợ trị giá 13,5 tỷ đôla Mỹ từ IMF. Ngày 16/12/1999, Ban điều hành IMF tuyên bố Hàn Quốc đã hoàn toàn vượt qua cuộc khủng hoảng tiền tệ. Đồng thời, Hàn Quốc đã khôi phục lại lòng tin đối với các nhà đầu tư. Tuy nhiên, công cuộc tự do hóa tài chính của Hàn Quốc giai đoạn này vẫn tồn tại những hạn chế nhất định.

2.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân

2.2.1. Vẫn tồn tại sự can thiệp sâu của Chính phủ trong một số lĩnh vực

Bất chấp những biện pháp tự do hóa, Chính phủ tiếp tục can thiệp sâu vào các lĩnh vực nhất định của khu vực ngân hàng, duy trì các giới hạn đối với đầu tư nước ngoài, tài chính cổ phiếu, tài chính hải ngoại. Sự tham gia vào hệ thống tài chính phụ thuộc vào danh sách các sản phẩm đang tồn tại: không thể giới thiệu các dịch vụ trừ phi được Chính phủ cho phép.

Chính do sự kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ trong nhiều thập kỷ qua, mặc dù tiến trình tự do hóa tài chính đã được xúc tiến nhanh chóng nhưng bản thân khu vực ngân hàng còn tồn tại sự quan liêu ở mức cao và tính kém hiệu quả. Bất chấp những xúc tiến quan trọng nhằm cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của chúng, nhiều ngân hàng trong nước trong năm 1998 bị xem như là nằm trong tình trạng khó

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

khăn do không trả được nợ. Các ngân hàng vẫn hướng tới quản lý lãi suất và các khoản cho vay đối với các khu vực ưu tiên của nền kinh tế. Cho dù hệ thống tài chính đã được thả nổi và những rào cản đối với sự tham gia thị trường của người nước ngoài đã được xóa bỏ, sự có mặt của các công ty nước ngoài trên thị trường là chưa đáng kể. Nguyên nhân một phần là do các ngân hàng nước ngoài gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các giao dịch ngoại hối trên cơ sở tỷ giá cạnh tranh và vì vậy hạn chế năng lực cho vay. Các yêu cầu về vốn tối thiểu cao và thực tế là việc các ngân hàng nước ngoài, đối nghịch với các ngân hàng trong nước, không được phép tính các khoản kiếm được vào tổng số tư bản chi nhánh sẵn có đã hạn chế hơn nữa khả năng mở rộng thị trường nội địa của các ngân hàng nước ngoài. Các thiết chế tài chính nước ngoài không được phép kiểm soát hơn 15% khu vực dịch vụ tài chính.

2.2.2. Qui định về vốn tối thiểu để thành lập chi nhánh vẫn tồn tại ở mức cao Đòi hỏi tối thiểu về vốn đối với việc thành lập ngân hàng nước ngoài hoặc các chi nhánh chứng khoán còn rất cao. Chẳng hạn, các chi nhánh chứng khoán nước ngoài dự định mời chào các dịch vụ buôn bán , môi giới, ký nhận trách nhiệm thanh toán phải có lượng tư bản tối thiểu là 15 tỷ won. Việc tiếp cận thị trường chứng khoán còn rất khó khăn. Các nhà đầu tư nước ngoài phải có thẻ chứng nhận đặc biệt trước khi họ có thể mua cổ phiếu. Các nhà đầu tư nước ngoài không được phép trao đổi trên thị trường OTC chính thức, một rào cản gây ra những trở ngại đáng kể vì 69% các loại trái phiếu được giao dịch trên thị trường OTC.

2.2.3. Nhiều luật lệ còn thiếu minh bạch

Mặc dù theo luật pháp, các ngân hàng nước ngoài không bị cấm thành lập các công ty con ở Hàn Quốc nhưng cho tới khi có các thỏa thuận về mở cửa thị trường mới thì không một công ty con nước ngoài nào được cấp giấy phép kinh doanh. Nghịch lý là 52 ngân hàng nước ngoài điều hành các chi nhánh ở Hàn Quốc bị đối xử như các công ty con, trong đó các yêu cầu về vốn dựa trên cơ sở tổng số cổ phần mức chi nhánh chứ không phải tài sản tư bản toàn cầu. Các chi nhánh ngân hàng nội địa không bị lệ thuộc vào những yêu cầu về vốn chi nhánh cá thể, đặt các chi nhánh ngân hàng nước ngoài vào tình thế bất lợi so với họ. Các ngân hàng phải

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vay ít nhất là 25% tổng các khoản cho vay. Cho dù dưới 45% ngân hàng trong nước phải cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vay, các ngân hàng nước ngoài vẫn khó có thể thỏa mãn các yêu cầu này do họ hướng tới thị trường bán buôn. Từ khi khủng hoảng tiền tệ châu Á bùng nổ, Chính phủ đã thể hiện rằng Chính phủ dự định sẽ bãi bỏ những yêu cầu cho vay ưu đãi đối với các ngân hàng trong và ngoài nước.

Đối với các quỹ đầu tư nước ngoài việc đăng ký ở Hàn Quốc rất khó khăn. Một khi đã đăng ký, các công ty nước ngoài chào hàng các quỹ tương hỗ chỉ được áp dụng một đại lý phân phối của quỹ, ngược lại các công ty môi giới và tín thác đầu tư trong nước được phép sử dụng không hạn chế các đại lý phân phối và quỹ thị trường từ các công ty nước ngoài. Những phiền phức rườm rà liên quan đến việc thiết lập tài khoản ngoại tệ theo yêu cầu cũng tạo nên một trở ngại khác khiến các công ty môi giới và ủy thác đầu tư nước ngoài đứng chầu rìa bên ngoài thị trường Hàn Quốc. Tuy nhiên, đòi hỏi phiền toái nhất có thể kể đến là để thiết lập công việc kinh doanh ở Hàn Quốc, các công ty quản lý đầu tư nước ngoài phải có khối lượng tài sản là 18 tỷ USD.

Sự thiếu minh bạch tiếp tục tạo nên những bất lợi cho các công ty nước ngoài khi cố gắng gia nhập thị trường Hàn Quốc. Bản dịch tiếng Anh các bộ luật và quy định phải do các nhà làm luật địa phương cung cấp và hạn chế các công ty nước ngoài tham gia điều chỉnh, do vậy hạn chế khả năng phân tách sự bất hợp nhất giữa luật pháp và thực tiễn.

3. **Bài học kinh nghiệm từ Hàn Quốc**

3.1. Những bài học thành công

3.2. Những bài học chưa thành công

3.1. Chính phủ không nên kiểm soát quá chặt chẽ hệ thống tài chính đặc biệt là ngân hàng khiến cho các định chế tài chính có tâm lý ỷ lại và thiếu năng lực cạnh tranh khi xảy ra sự cố trong nền kinh tế.

Trong suốt 2 thập kỷ trước 1980, hệ thống tài chính Hàn Quốc lấy ngân hàng làm cơ sở, khép kín và chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ. Chính phủ kiểm soát sát sao về lãi suất, phân bổ tín dụng và các khoản vay nước ngoài. KHu vực tài

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

chính, đặc biệt là khu vực ngân hàng hoạt động dựa trên cơ sở sự bảo trợ của nhà nước, thiếu sự quản lý rủi ro. Chính phủ bằng các nguồn tài chính trung gian đã kiểm soát được tối đa việc huy đọng các nguồn đầu tư và tập trung vào cho các ngành công nghiệp do các chaebol thực hiện. Sự can thiệp quá mức đã làm tê liệt chức năng và vai trò của các ngân hàng và tổ chức tài chính. Thậm chí, các NHTM thuần túy chỉ cung cấp những khoản vốn lớn cho những người đi vay đã được nhà nước chỉ định. Do vậy, thực tế không tránh khỏi tình trạng cho vay không hiệu quả bởi sự chi phối cá nhân và các lý do chính trị. Nợ nần của các ngân hàng ngày càng gia tăng đã buộc chính phủ tiếp tục bơm thêm tiền cho vay. Cho vay không hiệu quả, nợ nần gia tăng, nhà nước tiếp tục cung cấp tín dụng…Cái vòng luẩn quẩn đó càng làm trì trệ hơn hệ thống ngân hàng. Sự cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng ở Hàn Quốc là rất yếu ớt. Trong khi đó, hoạt động của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài bị hạn chế. Dưới sự kiểm soát chặt chẽ đó, các ngân hàng và các thể chế tài chính khác phụ thuộc vào chính phủ. Chính phủ chỉ định các chức chủ tịch của các ngân hàng, kể các các chức vụ ủy viên thường trực hội đồng quản trị. Trong trường hợp có sự khan hiếm vốn lưu động và hiện tượng ngân hàng mất khả năng thanh toán thì chính phủ cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi với lãi suất cực thấp và rót tiền cho ngân hàng.

Đến thập niên 80, khi mà một số ngân hàng đã bắt đầu được tư nhân hóa dưới sức ép tự do hóa tài chính từ bên ngoài thì chính phủ vẫn kiểm soát hệ thống này ở mức cao. Việc quản lý và kiểm soát của ngân hàng vẫn được chỉ dẫn bởi những chính sách công nghiệp của chính phủ mà không phải bằng các quyết định độc lập của ngân hàng để định hướng sự hỗ trợ vào các ngành công nghiệp chiến lược. Tất cả các dự án vay vốn ngân hàng đều phải được sự thông qua của chính phủ. Điều đó cũng có nghĩa rằng chính phủ sẽ hỗ trợ các công ty và các ngân hàng trong trường hợp làm ăn bị đổ bể. Điều này, vô hình chung đã tạo nên tâm lý ỷ lại của các công ty cũng như các ngân hàng vào sự trợ giúp của Chính phủ đồng thời nó cũng làm yếu đi các khả năng và tính nhanh nhạy của các ngân hàng trong việc xử lý các rủi ro.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Sự giám sát không đúng đắn của Chính phủ nước này đã làm trầm trọng thêm sự yếu kém trong việc đánh giá các khoản vay và quản lý rủi ro của các tổ chức tài chính. Các ngân hàng cho vay theo sự chỉ định của chính phủ mà không đánh giá năng lực của các tổ chức đi vay. Từ đó, dẫn đến các khoản vay quá mức mà hầu hết đều là từ các chaebol, khu vực được nhà nước ưu ái. Nếu các chaebol có rơi vào tình trạng không trả được nợ thì các ngân hàng cũng không cố gắng lấy lại tối đa số vốn vay không sử dụng của họ bởi vì chính phủ sẽ bồi thường số thiệt hại của các ngân hàng bằng việc cung cấp các khoản tín dụng với lãi suất thấp để ổn định hệ thống ngân hàng hoặc trực tiếp rót nguồn vốn cứu trợ. Các ngân hàng do đó không tìm cách nâng cao năng lực điều hành quản lý của mình mà phần lớn chỉ dựa vào chính phủ. Năng lực yếu kém đã khiến các ngân hàng không xoay sở kịp khi khủng hoảng xảy ra. Vỡ nợ xảy ra, nhiều ngân hàng bị phá sản hoặc bị sát nhập, mua lại bởi các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác.

3.2. Thực hiện tự do hóa nhanh nhưng không đồng bộ, thiếu cơ sở hạ tầng về luật lệ và chỉ dẫn thích hợp như những quy định về tỷ lệ vốn vay, thế chấp, giao dịch ngân hàng.

Tự do hóa những năm 1980 vẫn không thay thế vai trò của Nhà nước bằng thị trường. Nhà nước vẫn kiểm soát các NHTM đã tư nhân hóa bằng các quy định không chính thức và các ngân hàng không có quyền tự quyết. Chính phủ dựa vào các chương trình tái cơ cấu để kiểm soát ngân hàng ngay trong quá trình tự do hóa tài chính.

Nhưng từ năm 1993, xuất phát từ hiệp định song phương Mỹ và Hàn Quốc cũng như từ lý do mở cửa khu vực tài chính là điều kiện quan trọng để Hàn Quốc gia nhập OECD, Hàn Quốc đã tự do hóa rất nhanh. Chính phủ thực hiện phi điều tiết đối với những tổ chức tài chính phi ngân hàng (NFBI) bao gồm cả ngân hàng bán buôn và lãi suất đã được tự do hóa đáng kể. Một số biện pháp phi điều tiết đối với các chaebol cũng được thực hiện, cho phép các chaebol hàng đầu hoạt động trong khu vực NBFI.

Điểm nổi bật trong cải cách tài chính 1993 của Hàn Quốc là tự do hóa trong các khoản vay ngắn hạn từ nước ngoài của các tổ chức tài chính và công ty. Quá

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

trình này đã làm thay đổi quan hệ quyền lực và tư duy nhưng tiếc rằng tự do hóa đã vượt khỏi tầm kiểm soát. Chính phủ chỉ chú trọng tới dòng chảy của vốn dài hạn vào trong nước như phát hành trái phiếu ra nước ngoài mà không chú ý đến các khoản vay ngắn hạn từ nước ngoài vào, đó chính là khe hở trong hệ thống tài chính đóngc của Hàn Quốc. Các ngân hàng vay vốn ngắn hạn từ các nhà đầu tư nước ngoài rồi cho các công ty vày lại đầu tư vào các công trình dài hạn thậm chí không kiểm tra hiệu quả đầu tư ra sao.

Chính phủ không còn đủ khả năng để kiểm soát khu vực tài chính, đặc biệt là vốn nước ngoài. Kết quả là các công ty có thể vay vốn ngắn hạn từ nước ngoài thoải mái bất chấp đồng vốn đó có sử dụng hiệu quả hay không. Tỷ lệ của vốn vay nước ngoài không bị chính phủ kiểm soát trong khu vực tài chính và công ty đã tăng gấp đôi, từ 5% năm 1994 lên hơn 10% năm 1996. Dòng chảy của vốn nước ngoài đã dẫn tới đầu tư quá mức của các chaebol. Nợ nước ngoài tăng từ 43,9 tỷ USD năm 1994 lên 161,8 tỷ vào tháng 11/1997. Vay ngắn hạn nhưng lại cho vay dài hạn gây ra sự lệch pha trong cơ cấu thời hạn. Trong tổng số nợ nước ngoài của Hàn Quốc năm 1997 thì gần 60% là những khoản vày ngắn hạn với thời gian hoàn trả dưới 1 năm, mà 64,4% phải trả vào cuối năm 1996. Trong khi đó gần 83,7% các khoản cho vay có thời hạn trên 1 năm. Ngoài ra rất nhiều ngân hàng cho vay trong nước không có đảm bảo thích hợp.

Cho vay không có thế chấp thích hợp và sự lệch pha trong thời hạn cho vay và vay đã làm cho hệ thống tài chính Hàn Quốc chao đảo khi các nhà cho vay nước ngoài đột ngột thu hồi tiền cho vay, lòng tin của các nhà đầu tư vào nề kinh tế Hàn Quóc suy giảm, Hàn Quốc rơi vào khủng hoảng tài chính tiền tệ.

Như vậy việc tự do hóa tài chính của Hàn Quốc trong thời gian này đã quá vội vàng, nôn nóng, thiếu một cơ sở vững chắc như hệ thống luật lệ và quy định, các ngân hàng và các tổ chức tài chính thiếu khả năng quản lý, khả năng nắm bắt tình hình kém đã làm cho nền kinh tế Hàn Quốc dễ bị tổn thương và cuối cùng rơi vào khủng hoảng cuối năm 1997.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

3.3. Để thực hiện tốt tự do hóa tài chính cần phải chuẩn hóa các luật lệ theo những nguyên tắc của thị trường đồng thời tiến hành cải tổ hệ thống tài chính song song với các điều chỉnh khác.

Thứ nhất là việc chuẩn hóa các luật lệ theo nguyên tắc thị trường.

Loại bỏ những luật lên quy định không phù hợp. Đặc biệt là những luật lệ ưu đãi vốn là sản phẩm giữa sự cấu kết giữa doanh nghiệp và chính phủ.

Ban hành những quy định mới theo nguyên tắc của kinh tế thị trường, bao gồm:

- Mở rộng và tự do hơn nữa các quy định để thu hút vốn đầu tư nước ngoài chẳng hạn cho phép mỗi cá nhân nước ngoài mua lãi suất cố định tới 55%.

- Thừa nhận lại hình kinh doanh mua lại và sát nhập (M&A). Hủy bỏ chế độ trợ cấp cho các công ty này khi bị người nước ngoài chèn ép, tạo điều kiện để họ tự rút khỏi thị trường.

Các biện pháp đó dã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Chính phủ đã chỉ đạo việc làm trong sạch bảng cân đối kế toán của các ngân hàng và xem xét tái cấp vốn cho các ngân hàng bằng vốn của nhà nước. Phần lớn các ngân hàng làm ăn thua lỗ được quốc hữu hóa trong quá trình tái cấp vốn và giải quyết nợ khó đòi.

Nhiều biện pháp khác cũng được thực hiện để làm tăng sự minh bạch và khả năng thanh toán của các tổ chức tài chính. Số ngân hàng thương mại giảm từ 27 xuống 17 và số nhân viên giảm 1/3. Trong số 12 ngân hàng có vấn đề thì 5 ngân hàng phải giải thể, tài sản của họ được chuyển cho các ngân hàng làm ăn tốt. Một ngân hàng lớn đã bán cho một nhà đầu tư quốc tế. Trong số 30 ngân hàng phục vụ mua bán và 31 công ty tín thác đầu tư hoạt động vào năm 1997 thì 19 ngân hàng và 7 công ty phải đóng cửa hoặc sát nhập.

Thứ hai là việc cải tổ hệ thống tài chính.

Sự yếu kém của tổ chức tài chính ngân hàng là một trong những nguyên nhân của khủng hoảng ở nước này. Vì vậy, cùng với các giải pháp khẩn cấp để giải quyết khó khăn do hậu quả của cuộc khủng hoảng, Chính phủ nước này đã kiên quyết cải tổ hệ thống này. Các biện pháp bao gồm:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Thanh lọc hoạt động các tổ chức tài chính ngân hàng. Theo đó những tổ chức yếu kém sẽ bị xóa bỏ. Thực hiện chủ trương này Hàn Quốc đã đóng cửa 10 ngân hàng thương mại và tiếp tục đóng cửa nhiều ngân hàng khác kể từ năm 1997.

- Mở rộng các quy định liên quan đến đầu tư tài chính và sở hữu các ngân hàng. Hàn Quốc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được kinh doanh hoạt động tài chính ngân hàng và được sở hữu các ngân hàng thương mại. Đổi mới chế độ giám sát, kiểm soát các hoạt động của ngân hàng nhằm làm trong sạch và lành mạnh các tổ chức này và lấy lại niềm tin cho dân chúng trong và ngoài nước.

Thứ ba là tiến hành cải cách tài chính song song với các điều chỉnh khác.

Trước hết, qua kinh nghiệm của Hàn QUốc có thể thấy rằng đối với các nước đang phát triển, cải cách tài chính không đi kèm với những thay đổi trong hệ thống tài chính kinh tế thì không thể cải thiện được hiệu quả của khu vực tài chính và sẽ gặp khó khăn trong việc khôi phục vai trò của khu vực này trong toàn bộ nền kinh tế.

Tiếp đến, cải cách tài chính dẫn tới sự hủy bỏ hoặc giảm can thiệp của chính phủ, nhưng một mình nó không thể đảm bảo sự ra đời và phát triển có hiệu quả của một hệ thống tài chính mới. Vì thế, trong khi tiến hành phi điều chỉnh cần thiết phải đảm bảo được một số điều kiện quan trọng khác như sự giám sát các hoạt động tài chính nghiêm ngặt, tăng cường công tác quản lý dựa trên cơ sở lợi nhuận của các cơ quan tài chính, và vị trí độc lập của các cơ quan tài chính dối với các công ty kinh doanh.

Cuối cùng, nền kinh tế sẽ bị tổn thương nếu việc chuyển hệ thống tài chính lấy ngân hàng làm trung tâm sang hệ thống lấy thị trường làm trung tâm không đi liền với việc xây dựng một hệ thống mạng lưới nhiều mắt khâu về quản lý thông tin kỹ thuật trong hoạt động của các cơ quan tài chính.

Tóm lại, tự do hóa tài chính là một quá trình lâu dài và không hề dễ dàng đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển. Tự do hóa cần phải được tiến hành thận trọng, từng bước, không nên quá nôn nóng, vội vàng mà lơ là sự quản lý và giám sát của chính phủ. Đồng thời cũng cần phải xây dựng một nền tảng pháp lý vững mạnh,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

minh bạch hóa các hoạt động của các thể chế tài chính cũng như tăng cường vai trò quản lý kinh tế vi mô của chính phủ.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ MANG TÍNH GIẢI PHÁP CHO TIẾN TRÌNH TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH CỦA VIỆT NAM TRONG KHUÔN KHỔ WTO NHÌN TỪ KINH NGHIỆM HÀN QUỐC

I. Nội dung cam kết về tự do hóa tài chính của Việt Nam trong khuôn khổ WTO kết hợp so sánh với Hàn Quốc

Sau hơn 10 năm đàm phán gia nhập WTO, cuối cùng vào ngày 11/1/2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức kinh tế lớn nhất toàn cầu này. Cũng giống như các thành viên khác, Việt Nam phải đàm phán với các quốc gia thành viên trong WTO để đưa ra những biểu cam kết cụ thể và lộ trình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế trong đó có cam kết về tự do hóa tài chính. Dưới đây là nội dung các cam kết của Việt Nam được thể hiện trong Biểu cam kết dịch vụ.

1. Nội dung cam kết về bảo hiểm

Bảo hiểm là dịch vụ mà các thành viên WTO rất quan tâm và yêu cầu cao về mức độ mở cửa thị trường cho các công ty nước ngoài. Tuy nhiên, mức cam kết của Việt Nam đã đạt được trong biểu cam kết, theo đánh giá là tốt hơn so với mức cam kết của các nước mới gia nhập WTO gần đây. Về tổng thể, mức cam kết được đề cập sau đây là tương đương với những cam kết trong Hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ. Cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm trong nước thời gian tới sẽ sôi động hơn và sẽ có tác dụng thúc đẩy thị trường phát triển. Trong biểu cam kết về dịch vụ và lộ trình thực hiện, Việt Nam cam kết:

1.1. Về loại hình tổ chức

Việt Nam đã cho phép các doanh nghiệp nước ngoài hiện diện dưới hình thức văn phòng đại diện, chi nhánh, liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, được quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Nghị định 59/2006/NĐ. Trên cơ sở đó, Việt Nam cam kết không hạn chế việc thành lập pháp nhân của công ty bảo hiểm nước ngoài, ngoại trừ thị trường dịch vụ bảo hiểm bắt buộc sẽ chỉ mở cửa cho những công ty 100% vốn nước ngoài vào đầu năm 2008. Việt Nam cho phép công ty bảo hiểm nước ngoài thành lập chi nhánh bảo hiểm phi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nhân thọ sau 5 năm kể từ khi gia nhập WTO và không cho phép thành lập chi nhánh bảo hiểm phi nhân thọ.

1.2. Về loại hình dịch vụ

- Đối với phương thức 1 (cung cấp qua biên giới), ngay tại thời điểm Việt Nam gia nhập WTO, các công ty bảo hiểm nước ngoài được cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, được cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, dịch vụ bảo hiểm vận tải quốc tế, dịch vụ môi giới bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm, dịch vụ tư vấn, tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường. Riêng đối với dịch vụ bảo hiểm vận tải quốc tế, các hãng bảo hiểm nước ngoài được tham gia bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến vận tải biển quốc tế, vận tải hàng không thương mại quốc tế và bảo hiểm hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế.

- Đối với phương thức 2, Việt Nam không hạn chế việc tiêu dùng dịch vụ ở nước ngoài.

- Đối với phương thức 3 (hiện diện thương mại), từ ngày 1/1/2008, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được phép kinh doanh các dịch vụ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba, bảo hiểm xây dựng lắp đặt, bảo hiểm công trình dầu khí và các công trình dễ gây nguy hiểm đến an ninh cộng đồng và môi trường.

1.3. Về cam kết xóa bỏ tỷ lệ tái bảo hiểm bắt buộc sau 1 năm

Trước đây, các doanh nghiệp bảo hiểm khi thực hiện tái bảo hiểm ra nước ngoài đều phải thực hiện tái bảo hiểm bắt buộc tối thiểu 20% với Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare). Việt Nam đã cam kết xóa bỏ tỷ lệ tái bảo hiểm nói trên vào năm 2008.

1.4. Về năng lực tài chính

Điều kiện để một doanh nghiệp nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn hoặc liên doanh với doanh nghiệp việt Nam phải có tổng tài sản tối thiểu tương đương 2 tỷ USD vào năm trước khi nộp hồ sơ xin cấp giấy phép, được quy

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

định tại Nghị định số 45 của Chính phủ ban hành ngày 2/3 quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Việt Nam cũng có quy định về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hểm và môi giới bảo hiểm. Mức vốn pháp định tối thiểu đối với một doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam là 600 tỷ đồng. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và môi giới bảo hiểm được yêu cầu có mức vốn tương ứng là 300 tỷ đồng và 4 tỷ đồng, được quy định tại Nghị định số 46 ngày 27/3.

Ngoài ra, theo Nghị định số 46, trong thời hạn 60 ngày, kể từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, doanh nghiệp phải sử dụng một phần vốn điều lệ để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tổng mức tiền ký quỹ của doanh nghiệp được yêu cầu phải bằng 2% vốn pháp định và doanh nghiệp được rút toàn bộ số tiền này khi chấm dứt hoạt động.

Chính phủ cũng yêu cầu cả các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ đều phải trích lập dự phòng tương ứng với trách nhiệm của doanh nghiệp đối với khách hàng. Khoản dự phòng nhàn rỗi này khi đưa vào đầu tư phải được thực hiện trực tiếp bởi doanh nghiệp bảo hiểm hoặc thông qua ủy thác đầu tư và chỉ được đầu tư tại Việt Nam.

Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ có thể đầu tư mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh hoặc không có bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 35% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

Cũng theo Nghị định này, doanh nghiệp phải luôn duy trì khả năng thanh toán trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Khi có nguy cơ mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp phải chủ động thực hiện ngay các biện pháp tự khôi phục khả năng thanh toán, đồng thời báo cán Bộ tài chính về thực trạng tài chính, nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán và phương án khôi phục. nếu không khôi phục được khả năng thanh toán, doanh nghiệp sẽ bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn đưa ra một số điều kiện khác đối với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài như: Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực dự kiến tiến hành tại Việt Nam,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đang hoạt động hợp pháp ít nhất 10 năm theo quy định của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính tính tới thời điểm nộp hồ sơ xin cấp giấy phép.

Đối với lĩnh vực môi giới bảo hiểm, ngoài đảm bảo yêu cầu về lĩnh vực dự kiến kinh doanh tại việt Nam và thời gian hoạt động tại nơi có trụ sở chính tương tự như lĩnh vực bảo hiểm, còn phải đảm bảo điều kiện hoạc động kinh doanh có lãi trong 3 năm liền kề năm nộp hồ sơ xin cấp giấy phép.

2. Nội dung cam kết về Ngân hàng

2.1. Về loại hình tổ chức

Các tổ chức tín dụng nước ngoài được thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức như: Văn phòng đại diện, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

Từ ngày 1/4/2007, ngân hàng 100% vốn nước ngoài được chính thức hoạt động tại Việt Nam.

2.2. Về loại hình dịch vụ

Việt Nam cam kết các loại hình dịch vụ được cung cấp theo như phụ lục về dịch vụ tài chính ngân hàng của GATS, cụ thể như: Cho vay, nhận tiền gửi, cho thuê tài chính, kinh doanh ngoại tệ, các công cụ thị trường tiền tệ, các công cụ phái sinh, môi giới tiền tệ, quản lý tài sản, cung cấp dịch vụ thanh toán, tư vấn và thông tin tài chính…Trong đó, kinh doanh các sản phẩm phái sinh và quản lý tài sản tài chính là những loại hình dịch vụ mới.

2.3. Về huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam

Trong vòng 5 năm kể từ khi gia nhập WTO, Việt Nam có thể hạn chế quyền của một chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam từ các thể nhân Việt Nam mà ngân hàng không có quan hệ tín dụng theo tỷ lệ trên mức vốn được cấp của chi nhánh phù hợp với lộ trình sau:

- Ngày 1/1/2007: 650% vốn pháp định được cấp;

- Ngày 1/1/2008: 800% vốn pháp định được cấp;

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Ngày 1/1/2009: 900% vốn pháp định được cấp;

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Ngày 1/1/2010: 1000% vốn pháp định được cấp;

- Ngày 1/1/2011: Đối xử quốc gia đầy đủ

2.4. Quy định về tỷ lệ tham gia góp vốn

Việt Nam có thể hạn chế việc than gia cổ phần của các tổ chức tín dụng nước ngoài tại các ngân hàng thương mại liên doanh của Việt Nam được cổ phần hóa như mức tham gia cổ phần của các ngân hàng Việt Nam (tức là không vượt qua 50% vốn điều lệ).

Đối với việc góp vốn dưới hình thức mua cổ phần, tổng số cổ phần được phép nắm giữ bởi các thể nhân và pháp nhân nước ngoài tại mỗi ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam không được phép vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng trừ khi luật pháp của Việt Nam có quy định khác hoặc được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam đã cho phép công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài và công ty tài chính liên doanh với tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không được phép vượt qua 49% vốn điều lệ của công ty tài chính, quy định trong thông tư 06/2002/TT- NHNN ngày 28/12/2002.

2.5. Quy định về năng lực tài chính

Để thu hút các Ngân hàng lớn có uy tín vào hoạt động tại thị trường Việt Nam, trong cam kết cũng đã đưa ra các yêu cầu về tổng tài sản có đối với tổ chức tín dụng muốn thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam (cam kết này đã được thể chế hóa trong Nghị định số 22 ban hành ngày 28/02/2006, có hiệu lực ngày 24/03/2006.

Các điều kiện để thành lập một chi nhánh của một ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nma: Ngân hàng mẹ có tổng tài sản trên 20 tỷ USD vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn xin mở chi nhánh.

Các điều kiện để thành lập một ngân hàng liên doanh hoặc một ngân hàng 100% vốn nước ngoài: Ngân hàng mẹ có tổng tài sản trên 10 tỷ USD.

Các điều kiện để thành lập một công ty tài chính 100% vốn nước ngoài hoặc một công ty tài chính liên doanh, một công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ngoài hoặc một công ty cho thuê tài chính liên doanh: Tổ chức tín dụng nước ngoài có tổng tài sản có trên 10 tỷ USD vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn xin phép.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

3. Nội dung cam kết về chứng khoán

Chứng khoán là một lĩnh vực mới mẻ ở Việt Nam. Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua năm 2006 và có hiệu lực từ 1/1/2007.Những cam kết của Việt Nam trong WTO được đánh giá phù hợp với Luật Chứng khoán đã được ban hành.

3.1. Về loại hình tổ chức

Trước mắt, ngay khi Việt Nam gia nhập WTO, các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài chỉ được phép thành lập văn phòng đại diện và công ty liên doanh với đối tác Việt Nam. Và tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh đó không vượt quá 49%, được quy định tại Quyết định số 238/2005 QĐ-TTg.

Tuy nhiên, không mở cửa cho chi nhánh trong nước đối với các loại hình dịch vụ kinh doanh chứng khoán và tham gia phát hành, cũng như không cam kết mở cửa đối với loại hình cung cấp dịch vụ thứ nhất và thứ tư.

3.2. Về loại hình dịch vụ

Trong 6 hình thức cung cấp dịch vụ chứng khoán qua biên giới, Việt Nam chỉ cam kết có 2 dịch vụ cung cấp tin tài chính và các dịch vụ tư vấn phụ trợ . Sau 5 năm kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO, các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài sẽ được thành lập chi nhánh ở những loại hình như cung cấp dịch vụ quản lý tài sản như quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác; dịch vụ tư vấn, trung gian và các dịch vụ phụ trợ liên quan đến chứng khoán bao gồm tư vấn và nghien cứu đầu tư, danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại công ty, lập chiến lược và cơ cấu lại công ty.

Về quản lý tài sản và dịch vụ thanh toán bù trừ: Quản lý tài sản như quản lý danh mục đầu tư dưới mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác, các dịch vụ thanh toán và thanh toán bù trừ chứng khoán, các công cụ phái sinh và các sản phẩm liên quan đến chứng khoán, sẽ được áp dụng như sau:

Phương thức 1 “Cung cấp qua biên giới”: Việt Nam được bổ sung, duy trì và hạn chế tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Phương thức 2 "Tiêu dùng ở nước ngoài": Việt Nam không được tạo ra bất kỳ hạn chế nào.

Phương thức 3 "Hiện diện thương mại": Từ 11/1/2007 đến 11/1/2012 các nhà đầu tư nước ngoài phải liên doanh với đối tác Việt Nam, thành lập văn phòng đại diện (không có tư cách pháp nhân độc lập, không được tiến hành các hoạt động sinh lời, đơn thuần chỉ là đại diện cho công ty mẹ ở ngoài). Việt Nam cũng cam kết sẽ không hạn chế việc tiêu dùng dịch vụ chứng khoán ở nước ngoài.

Với mức cam kết tối thiểu như trên, có thể đánh giá rằng các cá nhân cũng như các tổ chức nước ngoài sẽ dễ dàng tiếp cận với thị trường Việt Nam hơn so với những gì mà Hàn Quốc đã cam kết 10 năm trước. Thời điểm gia nhập cũng như thời điểm đàm phán về tự do hóa tài chính khác nhau của hai quốc gia có thể lý giải cho điều này.

II. Thực trạng tự do hóa tài chính của Việt Nam theo các cam kết tự do hóa tài chính trong WTO

Tự do hóa tài chính là một quá trình lâu dài, bền bỉ, không phải chỉ diễn ra trong một thời điểm. Việt Nam, trong nỗ lực đàm phán gia nhập WTO, đã trải qua một quá trình cải tổ hệ thống tài chính dài để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của các thành viên WTO. Quá trình mở cửa thị trường tài chính đã diễn ra từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước. Trong quá trình đó, hệ thống tài chính của Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định, tạo tiền đề cho các định chế tài chính trong nước thực hiện các cam kết tự do hóa tài chính theo WTO. Những cam kết này bắt đầu có hiệu lực khi Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức này, tính đến nay là đã được hơn một năm. Quá trình tự do hóa đã gặt hái được những kết quả ban đầu song vẫn tồn tại một vài hạn chế. Dưới đây chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về vấn đề này.

1. Những kết quả ban đầu

1.1. Lĩnh vực bảo hiểm

Bảo hiểm là một trong những nội dung quan trọng trong đàm phán và thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam trong quá trình tự do hóa thương mại nói chung và dịch vụ tài chính nói riêng. Trên thực tế thị trường bảo hiểm đã bắt đầu được mở cửa cho các công ty bảo hiểm quốc tế 100% vốn đầu tư nước

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ngoài từ năm 1999. Nhiều công ty bảo hiểm lớn trên thế giới đều đã có mặt tại thị trường Việt Nam như AIG, Prevoir, ACE Life, New York Life, Liberty Mutual và mới đây thêm sự kiện tập đoàn Daiichi (Nhật Bản) mua lại Bảo Minh CMG. So với các lĩnh vực khác, thị trường bảo hiểm có lộ trình mở cửa nhanh: Tính đến hết năm 2006, trước thời điểm cam kết WTO có hiệu lực, trong số 27 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam có tới 16 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (gồm 5 doanh nghiệp liên doanh, 11 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).

Thực hiện đúng cam kết tự do hóa tài chính theo WTO, sau khi chính thức trở thành thành viên của tổ chức này, Việt Nam cho phép các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài được cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, dịch vụ tái bảo hiểm, dịch vụ vận tải quốc tế, bao gồm vận tải biển quốc tế, vận tải hàng không thương mại quốc tế (cả phương tiện, hàng hóa vận chuyển và bất kì trách nhiệm nào phát sinh từ đó) và hàng hóa vận chuyển quá cảnh quốc tế, dịch vụ môi giới bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm, dịch vụ tư vấn, dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường. Và kể từ ngày 1/1/2008, các doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn nước ngoài được phép kinh doanh các dịch vụ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới, bảo hiểm người kinh doanh vận tải hành khách và hàng dễ cháy nổ trên đường thủy nội địa, tới đây là bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm người Việt Nam du lịch lữ hành quốc tế…

Như vậy, các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài đã được phép đối xử quốc gia, được bình đẳng như các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam. Chính vì vậy, ngay từ đầu năm 2008, các công ty bảo hiểm nước ngoài đã liên tục tăng vốn đồng thời đưa ra các dịch vụ, sản phẩm mới. Công ty Bảo hiểm nhân thọ (BHNT) Dai-ichi Life (Nhật Bản) chỉ sau 1 năm thành lập tại Việt Nam đã tăng vốn lên 72 triệu USD vào ngày 7.1.2008. Với số vốn này, Dai-ichi Việt Nam trở thành công ty bảo hiểm nhân thọ nước ngoài có vốn đầu tư lớn đứng thứ nhì tại Việt Nam. Cùng lúc đó, Công ty Bảo hiểm Liberty Mutual cũng được Bộ Tài chính cấp phép bổ sung 3 phạm vi kinh doanh mới gồm: Doanh nghiệp nhà nước, cá nhân người Việt Nam và BH trách nhiệm bắt buộc đối với xe cơ giới. Điều này thật sự là một bước ngoặt

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đáng nhớ cho Liberty vì trước đó, công ty này chỉ được cung cấp dịch vụ BH phi nhân thọ cho cá nhân người nước ngoài và doanh nghiệp trừ doanh nghiệp nhà nước. Đây là công ty bảo hiểm Mỹ đầu tiên được mở rộng phạm vi kinh doanh tại Việt Nam theo cam kết gia nhập WTO. Hiện Liberty cũng đã tăng vốn từ 10 triệu USD lên 20 triệu USD để mở rộng kinh doanh.

Không thua kém, Prudential Việt Nam, công ty đang dẫn đầu thị trường BHNT với thị phần 41% cũng vừa được Bộ Tài chính cấp giấy phép điều chỉnh, cho phép mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh và triển khai hoạt động liên kết đầu tư. Sản phẩm mới nhất mà Prudential đưa ra là PRUlink-Phú-Bảo gia đầu tư. Đây là loại hình sản phẩm có hai tính năng cùng lúc là bảo hiểm nhân thọ và đầu tư. Người tham gia có quyền lựa chọn mức phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm trong suốt thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, người tham gia được nhận lãi từ hoạt động đầu tư cũng như chịu mọi sự rủi ro từ các quỹ đầu tư mà mình đã chọn.

Công ty môi giới bảo hiểm và tái môi giới bảo hiểm lớn nhất và chuyên nghiệp nhất Việt Nam, vừa qua cũng đã được Bộ Tài chính cho phép mở rộng phạm vi hoạt động. Theo đó, AON Việt Nam được cung cấp dịch vụ cho tất cả các đối tượng khách hàng tại Việt Nam bao gồm cả các doanh nghiệp quốc doanh, thay vì chỉ các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân như trước đây.

Với việc mở cửa khá nhanh chóng, số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tham gia thị trường Việt Nam ngày càng tăng, thị trường bảo hiểm Việt Nam trở nên vô cùng sôi động và cạnh tranh. Số lượng sản phẩm bảo hiểm phong phú, đa dạng, ngày càng đáp ứng nhu cầu kinh tế xã hội và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Đặc biệt, sản phẩm bảo hiểm đã đáp ứng được yêu cầu phát triển một số ngành nghề quan trọng như dầu khí, hàng không, đóng tầu, xây dựng cầu đường, gián tiếp góp phần tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư trong nước. Có thể nói, thị trường bảo hiểm phát triển góp phần đáng kể cho việc phát triển thị trường vốn trong nước. Các doanh nghiệp bảo hiểm có thể trở thành các định chế tài chính trung gian hữu hiệu, nó có chức năng chuyển các nguồn vốn nhàn rỗi ngắn hạn trong xã hội thành các nguồn đầu tư dài hạn.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1.2. Lĩnh vực ngân hàng

Cũng giống như bảo hiểm, không phải chờ đến khi các cam kết tự do hóa tài chính có hiệu lực, Ngân hàng Việt Nam mới thực hiện mở cửa mà ngay từ những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ 20, hệ thống này đã bắt đầu một quá trình tự do hóa dần dần khi ngành Ngân hàng chuyển sang mô hình 2 cấp và hoạt động theo cơ chế thị trường. Quá trình đó biểu hiện qua các động thái nới lỏng quan hệ lãi suất từ áp đặt sang "trần-sàn", đến khống chế "trần" và cuối cùng là thoả thuận cho cả Việt Nam đồng và ngoại tệ từ tháng 6/2002. Cơ chế điều hành tỷ giá cũng được thay đổi từ tỷ giá cố định, sang tỷ giá cố định có điều chỉnh..., đến công bố tỷ giá theo mức hình thành cuối ngày trên thị trường. Quá trình tự do hóa dần dần đó còn được thể hiện từ "phân phối" tín dụng cho một số ít đối tượng khách hàng đến tín dụng không phân biệt thành phần kinh tế, từ tín dụng đan xen đến tín dụng tách bạch chính sách với thị trường để mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế. Ngân hàng không còn được phép độc quyền cung ứng dịch vụ tín dụng, thanh toán...nữa mà mở cửa cho tất cả các ngành cùng tham gia cung ứng vốn và dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế... NHNN cũng đã từng bước đổi mới chính sách quản lý ngoại hối theo hướng tự do hóa, ngày càng thông thoáng hơn, tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Với những nỗ lực cải cách hệ thống ngân hàng nhằm làm cho môi trường kinh doanh thông thoáng hơn, Việt Nam đã thu hút được sự tham gia của nhiều ngân hàng nước ngoài nổi tiếng thế giới như ANZ, Standard Chartered Bank, HSBC… Ngay từ năm 2005, các ngân hàng nước ngoài đã tích cực tham gia vào thị trường Việt Nam thông qua hình thức mua cổ phần của các ngân hàng thương mại Việt Nam như: Ngân hàng Hongkong Thượng Hải (HSBC) đã liên kết với Ngân hàng Kỹ thương Techcombank với 10% cổ phần được phép. Sau đó không lâu, ANZ (Australia), Công ty Tài chính Quốc tế (LFC), Công ty Tài chính Dragon Capital đã chia nhau 30% cổ phần Sacombank, Standard Chartered Bank mua cổ phần ACB và mới đây nhất là OCBC (Singapore) với việc nắm giữ cổ phần của Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoài quốc doanh Vpbank.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Với các cam kết mở cửa lĩnh vực ngân hàng theo WTO, từ 1/4/2007, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được chính thức hoạt động tại Việt Nam đồng thời được nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam từ các thể nhân Việt Nam mà ngân hàng không có quan hệ tín dụng với tỷ lệ 650% vốn pháp định được cấp. Tỷ lệ này sẽ tăng dần lên và tiến tới đối xử quốc gia đầy đủ vào năm 2011. Cùng với nhiều cam kết mở cửa khác, các ngân hàng nước ngoài tham gia thị trường Việt Nam sẽ ngày càng nhiều nhằm mục đích tìm kiếm lợi ích tiềm tàng chưa được khai thác tại đây.

Tính đến cuối năm 2007, tại Việt Nam có 35 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 ngân hàng liên doanh, 4 công ty cho thuê tài chính có vốn đầu tư nước ngoài và 2 công ty tài chính có 100% vốn nước ngoài. Các ngân hàng và công ty cho thuê tài chính đó đến từ 14 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó còn có 50 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam... đang hoạt động.

Tính đến hết năm 2007, ước tính tổng số vốn điều lệ và vốn góp mua cổ phần của các tập đoàn ngân hàng, tài chính nói trên đã thực sự đưa vào Việt Nam hiện nay lên tới gần 1,5 tỷ USD. Đó là chưa kể số vốn các chi nhánh ngân hàng nước ngoài huy động ở nước ngoài đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam.

Bên cạnh các hoạt động cho vay, đầu tư, thì các chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thế mạnh mở rộng thị phần trong lĩnh vực thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, chuyển tiền kiều hối và các dịch vụ ngân hàng tiện ích khác cho các nhà đầu tư nước ngoài, cá nhân người nước ngoài ở Việt Nam. Một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở rộng các nghiệp vụ chứng khoán, như: lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp...

Có thể nói, các ngân hàng nước ngoài muốn tham gia sâu hơn vào "cuộc chơi" ở Việt Nam vì tin rằng họ có nhiều lợi thế trong việc cung cấp dịch vụ mà ngân hàng trong nước tỏ ra rất hạn chế. Chẳng hạn Citibank hiện nay làm dịch vụ đầu tư ngân hàng bao gồm dịch vụ ủy thác và quản lý tiền mặt.

Hay Ngân hàng ANZ, từng mở chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội từ năm 1993, đã lựa chọn hướng đi khác là cung cấp các dịch vụ ngân hàng thương mại đa dạng từ dịch vụ bán lẻ cho đến dịch vụ đầu tư. Ngân hàng này hiện sở hữu 10% cổ phần của Sacombank và 10% cổ phần của các công ty chứng khoán khác.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Còn đối với Sacombank, ngân hàng cổ phần có dư nợ đứng thứ sáu, sự có mặt của Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) với tư cách là một cổ đông sở hữu 10% vốn, đã mang lại cho họ những kỹ năng quản lý rủi ro.

Trong khi đó Ngân hàng ANZ hy vọng sẽ phát triển từ hai chi nhánh như hiện nay lên khoảng 12 chi nhánh vào cuối năm 2008 nếu hồ sơ xin phép của họ được giải quyết nhanh chóng. Chưa biết điều này có sớm trở thành hiện thực hay không, bởi các ngân hàng nước ngoài đang phàn nàn rằng Việt Nam đang trì hoãn sự phê duyệt cho đến thời điểm quy định cuối cùng trong các cam kết của WTO.

Một số ngân hàng khác như HSBC, chỉ sở hữu 14,5% vốn của Ngân hàng cổ phần Techcombank với giá 71 triệu USD, đã yêu cầu được tăng tỷ lệ sở hữu lên 20%.

Techcombank có lợi nhuận đứng thứ ba trong số các ngân hàng cổ phần, cũng đang tìm kiếm cơ hội mở rộng hoạt động ngân hàng bán lẻ, trong khi vẫn tập trung vào khối các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tiếp tục thực hiện dự án của mình từ năm 2006 trong lĩnh vực ngân hàng tiêu dùng. Các hoạt động của Techcombank trùng lắp với các hoạt động ngân hàng tiêu dùng của HSBC nhưng không phải là vấn đề đáng lo ngại trong tình hình mỗi ngân hàng có một ưu thế cạnh tranh riêng. Techcombank có kế hoạch phát hành cổ phiếu lần đầu (IPO) vào cuối năm 2008, có tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 70% trong năm 2007 và đang có kế hoạch mở thêm 50 chi nhánh vào năm 2008.

Sự tham gia ngày càng nhiều của các ngân hàng nước ngoài sẽ làm cho thị trường ngân hàng Việt Nam trở nên cạnh tranh và sôi động hơn rất nhiều với nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, mang lại nhiều cơ hội lựa chọn cho khách hàng với chất lượng dịch vụ ngày càng cao. Sự cạnh tranh này sẽ làm gia tăng sức ép lên các ngân hàng Việt Nam. Tuy nhiên, với mức cam kết hiện tại, NHNN vẫn có công cụ để điều tiết mức độ và tốc độ chiếm lĩnh thị trường của các Ngân hàng nước ngoài thông qua mức giới hạn cổ phần được phép mua của các tổ chức và các nhân nước ngoài xét trên từng tình huống cụ thể. Khả năng điều tiết của NHNN sẽ là một công cụ quản lý hữu hiệu tạo điều kiện cho các NHTM Việt Nam có thời gian quá độ cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

trước khi các ngân hàng nước ngoài với ưu thế về vốn, mạng lưới, sản phẩm dịch vụ và công nghệ có thể thâm nhập sâu và thị trường.

Theo đánh giá của các chuyên gia, mức cam kết trong WTO là hợp lý và cân bằng với một lộ trình thời gian thích hợp cho quá trình chuyển đổi và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng trong nước.

1.3. Lĩnh vực chứng khoán

Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn ra đời đã tạo ra khung pháp lý khá hoàn chỉnh và đồng bộ cho các chủ thể tham gia vào thị trường này. Ngay khi gia nhập WTO, theo Biểu cam kết về dịch vụ thì các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện và công ty liên doanh với đối tác Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 49%.

Từ tháng 5/1998, mức trần về đầu tư chứng khoán của người nước ngoài hoàn toàn được xóa bỏ ngoại trừ đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước. Thị trường tiền tệ như thị trường cho hối phiếu, các chứng chỉ tiền gửi cũng đã được mở cửa. Thêm vào đó, những hạn chế về đầu tư vào chứng khoán trong nước của người nước ngoài cũng như những yêu cầu cần có sự thông qua của chính phủ khi các chi nhánh của các công ty chứng khoán nước ngoài khi mua hơn 1 triệu USD từ nước ngoài cũng đã được xóa bỏ.

Hiện đã có rất nhiều văn phòng đại diện của các công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư, công ty quản lý quỹ nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam để nghiên cứu thị trường và thiết lập các mối quan hệ, sẵn sàng nhập cuộc ngay khi rào cản được xoá bỏ. Nhiều quỹ đầu tư nước ngoài có vốn đầu tư lớn đang được thành lập và một số đã đi vào hoạt động như quỹ đầu tiên của Vietnam Holdings đã có số vốn lên tới 120 triệu USD; tập đoàn KYPMG của Hàn Quốc dự kiến thành lập quỹ đầu tư có số vốn 40 triệu USD và quỹ thứ 2 có số vốn 80 triệu USD; quỹ PPF của Séc dự kiến giai đoạn đầu đăng ký số vốn khoảng 50-60 triệu USD,... Đồng thời cũng đã có những công ty chứng khoán liên doanh mới thành lập từ năm 2007.

Thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là đang ở giai đoạn đầu phát triển nhưng đã nhận được sự quan tâm rất lớn của các nước thành viên, đặc biệt là các nước có nền tài chính phát triển và đặt yêu cầu cao về mức độ mở cửa thị

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

trường cho các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài. Về khuôn khổ pháp luật và công tác quản lý nhà nước, nhìn chung, các cam kết về chứng khoán là phù hợp với Luật chứng khoán mới được ban hành và định hướng phát triển của Chính phủ trong lĩnh vực này. Để thực thi hiệu quả các cam kết đã đưa ra, trong thời gian tới Chính phủ sẽ tiếp tục xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán, trong đó chú trọng đặc biệt đến các nội dung hướng dẫn cụ thể về việc tham gia của bên nước ngoài như thành lập công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài và chi nhánh.

Như vậy có thể nói, sau hơn một năm thực hiện các cam kết tự do hóa tài chính theo WTO, những kết quả mà Việt Nam đã đạt được là tương đối khả quan. Việt Nam đã không ngừng nỗ lực cải cách hệ thống tài chính, hoàn thiện chính sách pháp luật để phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện quá trình mở cửa lĩnh vực dịch vụ tài chính cho sự tham gia của nước ngoài. Hệ thống tài chính của Việt Nam thời gian qua đã được cải thiện một cách đáng kể, năng lực cạnh tranh được nâng cao. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của quá trình tự do hóa lâu dài, Việt Nam mới chỉ phải thực hiện một phần các cam kết của mình, phần lớn vẫn được phép duy trì những hạn chế về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia. Thời gian khó khăn thực sự đang chờ đợi trong vài năm tới. Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, quá trình tự do hóa tài chính của Việt Nam vẫn tồn tại những hạn chế cần phải được khắc phục.

2. Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

2.1. Năng lực công nghệ, quản trị rủi ro và điều hành của tài chính Việt Nam còn ở khoảng cách rất xa so với khu vực và thế giới

Năng lực tài chính còn hạn chế không cho phép các định chế tài chính Việt Nam đầu tư nhiều vào phát triển công nghệ. Đơn cử như ngành Ngân hàng của Việt Nam, tuy phát triển khá mạnh mẽ nhưng hệ thống máy ATM chưa phát huy được nhiều tiện ích vì các máy ATM chưa được nối mạng tổng thể. Ngoài ra, việc ứng dụng các phần mềm quản lý như dịch vụ thanh toán thanh toán, quản lý tín dụng, quản lý tài chính kế toán còn chưa cao. Nhìn chung việc ứng dụng này mới chỉ đạt trình độ thấp, thể hiện ở hệ thống công nghệ thông tin chưa phát triển đồng bộ, mức

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

độ tự động hóa thấp. Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin cũng chỉ mới chủ yếu tập trung vào một số nghiệp vụ cơ bản.

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của quá trình tự do hóa tài chính. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ của hệ thống tài chính của Việt Nam hiện nay khá đông đảo nhưng trình độ quản trị rủi ro và điều hành hoạt động của hệ thống tài chính còn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong thời buổi hội nhập. Trong khi đó, các tổ chức tài chính nước ngoài bên cạnh trình độ công nghệ cao còn sở hữu một đội ngũ cán bộ quản trị điều hành được đào tạo chuyên nghiệp, có kinh nghiệm hoạt động quốc tế. Điều này sẽ làm cho hệ thống tài chính Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong cạnh tranh đặc biệt trong vài năm tới, khi nhiều các rào cản tài chính khác được dỡ bỏ.

2.2. Hoạt động tín dụng còn nhiều bất cập

Hiện nay, cấp tín dụng đang là hoạt động chủ yếu tạo ra thu nhập cho các NHTM (trên 80% tổng thu nhập) song đây là một trong những lĩnh vực ẩn chứa nhiều rủi ro đặc biệt trong trào lưu đầu tư chứng khoán sôi động hiện nay. Việc buông lỏng nguyên tắc quản lý hoạt động tín dụng (như huy động vốn để đầu tư chứng khoán, thế chấp bằng cổ phiếu đối với nhiều khoản vay tín dụng không trình bày rõ phương án sản xuất kinh doanh…) có thể gây nên những đổ vỡ khó lường.

Một điều đáng ngại là hiện nay các ngân hàng vẫn sử dụng phần lớn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn (khoảng 40 đến 45% vốn huy động) trong khi NHNN chỉ cho phép tối đa 30% trừ Agribank là 40%. Từ đó dẫn đến rủi ro thanh khoản lớn. Sự mất cân đối này nếu không kiểm soát sẽ dễ dẫn đến khủng hoảng. Ngoài ra, khả năng trích lập dự phòng rủi ro vẫn còn tương đối thấp và hạn chế, nên khi những biến động lớn xảy ra sẽ khó có thể ứng phó kịp thời.

2.3. Cần thận trọng với việc tự doa hóa tài khoản vốn

Từ đầu năm 2007 đến nay sau khi Việt Nam trở thành thành viên WTO thì tốc độ gia tăng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đã rất mạnh trở lại so với những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ trước và ở qui mô cao hơn. Tổng vốn luỹ kế đầu tư trực tiếp vào Việt Nam đã lên đến trên 50 tỷ USD. Trong đó, chỉ riêng lượng vốn đổ vào trong vòng 1 năm qua đã chiếm tới 40%. Bình quân 10 năm lại đây, khu vực

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra trên 25% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm, sử dụng gần 10% lao động công nghiệp, tham gia hơn 20% tổng đầu tư toàn xã hội bình quân/năm... Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã trực tiếp góp phần làm cho nền kinh tế Việt Nam tiếp cận với công nghệ và trình độ quản lý hiện đại của kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, qua những diễn biến "nóng, lạnh" trên TTCK thời gian qua cũng đã cảnh báo cần phải có những giải pháp thận trọng trong quá trình từ tự do hoá tài khoản vãng lai đến tự do hoá tài khoản vốn. Những động thái đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam cũng đã bắt đầu hình thành và đang trở thành một "làn sóng" đầu tư thứ 3 từ nước ngoài (sau FDI, ODA) được khởi xướng chính thức từ khoản "vay" 750 triệu tổng giá trị trái phiếu Chính phủ năm 2006 và dòng vốn đầu tư vào TTCK Việt Nam từ giữa năm 2006 đến nay liên tục gia tăng, ước khoảng hơn 1 tỷ USD "tiền gốc" quay vòng.

III. Giải pháp cho tiến trình tự do hóa tài chính của Việt Nam trong khuôn khổ WTO nhìn từ kinh nghiệm Hàn Quốc

1. Quan điểm của Việt Nam về việc thực hiện cam kết tự do hóa tài chính sau khi gia nhập WTO

- Trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam sẽ áp dụng những cam kết cao nhất, thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư nói chung và các tổ chức, công ty nước ngoài thuộc lĩnh vực tài chính nói riêng. Những cam kết của Việt Nam được xem là cam kết tối thiểu chứ không phải là tối đa. Việt Nam có thể cho phép tự do hóa cao hơn mức cam kết trong WTO nếu điều này có lợi cho sự phát triển của quốc gia.

- Nhằm thực hiện các cam kết một cách chủ động, tích cực và có hiệu quả, Việt Nam đã và đang tiến hành rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thống nhất cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Tiếp tục thực hiện các lộ trình giảm thuế, nghiên cứu các cơ chế, chính sách để hỗ trợ sản xuất trong nước một cách hợp lý trong khuôn khổ các cam kết quốc tế; xây dựng đề

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

án nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức khi bước vào sân chơi toàn cầu.

- Một số nguyên tắc mới được hình thành trong giai đoạn hậu WTO như:

+Nguyên tắc đảm bảo việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật không được làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Nguyên tắc thẩm định tất cả các điều ước quốc tế được đề xuất gia nhập và ký kết;

+Nguyên tắc kiểm tra phù hợp với các điều ước quốc tế được đề xuất ký kết hoặc gia nhập với các điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên;

+ Nguyên tắc đánh giá sự tương thích giữa pháp luật quốc gia và các cam kết quốc tế;

+ Nguyên tắc áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Một số kiến nghị mang tính giải pháp cho tiến trình tự do hóa tài chính trong khuôn khổ WTO của Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm Hàn Quốc

Thị trường tài chính của Việt Nam thực tế đã trải qua một quá trình tự do hóa dần dần từ những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ 20 khi ngành ngân hàng chuyển sang mô hình 2 cấp và họa động theo cơ chế thị trường. Quá trình điều chỉnh hệ thống lãi suất, cơ chế tỷ giá, và phân bổ tín dụng đã được thực hiện từng bước thận trọng và cuối cùng đã đạt được kết quả tích cực. Tuy nhiên, Việt Nam mới trở thành thành viên của WTO, lại là nước đang phát triển, quá trình mở cửa thị trường tài chính mới chỉ trong giai đoạn đầu. Mặc dù, theo đánh giá của các chuyên gia, tự do hóa tài chính của Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng, chúng ta vẫn còn rất nhiều việc cần phải giải quyết để thực hiện mở cửa thành công.

Dựa trên những bài học kinh nghiệm từ quá trình thực hiện tự do hóa tài chính cũng như lộ trình tự do hóa sắp tới, em xin đưa ra một vài kiến nghị mang tính giải pháp cho tiến trình tự do hóa tài chính của Việt Nam như sau.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

2.1. Về phía Chính phủ

Trước hết là tiếp tục rà soát và điều chỉnh, bổ sung các chính sách hiện hành về bảo hiểm, ngân hàng và chứng khoán cho phù hợp với thông lệ và yêu cầu hội nhập. Hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật. Cụ thể:

Đối với ngành bảo hiểm

Hoàn thiện các quy định pháp lý đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm tạo ra một thị trường phát triển ổn định và lành mạnh. Những hạn chế trong các quy định của Pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này sẽ làm giảm hiệu quả của hoạt động quản lý, giám sát, gây khó khăn trong áp dụng và làm nảy sinh nhiều tranh chấp.

+Để thực hiện các cam kết, Nhà nước cần bổ sung các quy định về chi nhánh trực tiếp của các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, bãi bỏ các quy định mang tính bảo hộ các doanh nghiệp trong nước về địa bàn hoạt động, đối tượng khách hàng, các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm bắt buộc, tái bảo hiểm bắt buộc, hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn cấp phép minh bạch, thận trọng thay thế cho cơ chế cấp phép theo từng trường hợp cụ thể.

+Bổ sung, sửa đổi một số quy định nhằm tăng khả năng giám sát tài chính của các công ty bảo hiểm bao gồm vốn pháp định, khả năng thanh toán, hoạt dộng tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục tiêu lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực tài chính, cam kết lâu dài đối với sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam, đặc biệt khi Việt Nam gia nhập WTO. Các quy định này giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng quản trị điều hành, phát hiện sớm các rủi ro đồng thời hỗ trợ cho công tác quản lý giám sát của các cơ quan chức năng.

+Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo sự lành mạnh của thị trường, bao gồm các quy định bảo vệ người tiêu dùng như hoàn thiện các quy định về nội dung và phương thức giao kết hợp đồng bảo hiểm nhằm đảm bảo tính an toàn của giao dịch cho cả người mua lẫn công ty bảo hiểm và các đối tượng liên quan.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

+Điều chỉnh những quy định chưa hợp lý, rõ ràng. Ví dụ, việc áp dụng thuế suất VAT 10% như hiện nay đối với hoạt động tái bảo hiểm trong nước và miễn thuế VAT cho hoạt động tái bảo hiểm ra nước ngoài là chưa hợp lý. Bởi vậy các

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

doanh nghiệp chỉ tập trung tái bảo hiểm ra nước ngoài để được miễn thuế VAT. Nhà nước nên có chính sách miễn thuế đối với hoạt động tái bảo hiểm trong nước, từ đó sẽ khuyến khích các công ty tái bảo hiểm trong nước.

Ngoài ra cần có những quy định chặt chẽ hơn về hoạt động tái bảo hiểm của các công ty bảo hiểm. Các công ty bảo hiểm hầu như không phải cung cấp thông tin gì về hoạt động tái bảo hiểm của mình. Thực hiện được điều này là một bước tiến để các quy định pháp luật của Việt Nam tiến gần hơn các chuẩn mực quốc tế và góp phần cải tạo môi trường kinh doanh bảo hiểm Việt Nam theo hướng bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước, liên doanh và 100% vốn nước ngoài.

Trong lĩnh vực môi giới bảo hiểm, để khắc phục tình trạng chỉ cạnh tranh trong khu vực các công ty bảo hiểm nước ngoài với nhau và các công ty trong nước với nhau, các cơ quan chức năng cần sớm ban hành quy định bãi bỏ những hạn chế đối với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài chỉ được phép hoạt động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực tư nhân. Đồng thời cũng cần tuyên truyền những quy định nhằm nâng cao nhận thức của người dân về hoạt động môi giới bảo hiểm để lĩnh vực này có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam và tạo môi trường pháp lý bình đẳng thu hút thêm nguồn vốn đầu tư vào thị trường, tạo cơ hội cho thị trường kinh doanh bảo hiểm Việt Nam phát triển hơn nữa.

Đối với ngành ngân hàng

Với việc gia nhập WTO, Việt Nam cần tiến hành sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật ngân hàng, hoàn thiện môi trường pháp luật theo hướng minh bạch, thông thoáng, ổn định, đảm bảo bình đẳng và an toàn cho các doanh nghiệp tham gia thị trường hoạt động có hiệu quả. Cụ thể:

- Sửa đổi Luật NHNN, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan để đảm bảo NHNN Việt Nam trở thành ngân hàng trung ương hiện đại, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức tín dụng trong hoạt động kinh doanh. Hai luật này đang trong quá trình dự thảo, dự kiến sẽ ban hành trong năm 2008.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các quy định pháp luật ngân hàng về cấp phép hiện diện thương mại, về tổ chức, hoạt động, quản trị, điều hành của các tổ chức tín dụng kể cả trong nước và ngoài nước hướng tới nguyên tắc không phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết và lộ trình gia nhập WTO. NHNN đang dự thảo Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động của NHTM cổ phần, Thông tư hướng dẫn Nghị định 22 về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó sẽ cụ thể hóa các cam kết liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định về việc tổ chức tín dụng nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại của Việt Nam cũng đang trong quá trình dự thảo. Để đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng, NHNN cũng sẽ xây dựng mới Luật bảo hiểm tiền gửi và Luật giám sát an toàn hoạt động ngân hàng.

- Rà soát danh mục các dịch vụ tài chính- ngân hàng theo phụ lục về dịch vụ tài chính ngân hàng của GATS để xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các quy định, đảm bảo các tổ chức tín dụng được thực hiện đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo GATS và thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện các quy định về quản lý ngoại hối, cải cách hệ thống kế toán ngân hàng phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế. Hoàn thiện các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định về các nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng mới (quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, các dịch vụ ủy thác, các sản phẩm phái sinh, dịch vụ ngân hàng điện tử…)

Đối với ngành chứng khoán

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, đặc biệt là chứng khoán theo hướng đồng bộ, công khai, minh bạch và hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế. Luật chứng khoán phải được sửa đổi ngày càng phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Bảo hiểm, Luật các tổ chức tín dụng. Chứng khoán là lĩnh vực mới mẻ và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên các văn bản hướng dẫn thi hành luật chứng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

khoán phải phù hợp với đặc thù của Việt Nam, cần chọn bước đi cởi mở, nhưng phải thận trọng, kịp thời điều chỉnh những diễn biến bất thường gây ra, ảnh hưởng đến nền kinh tế.

Hai là, nhanh chóng thu thập thông tin cụ thể về lộ trình các cam kết hội nhập cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tài chính nói riêng và các doanh nghiệp trong nước nói chung để các doanh nghiệp đưa ra các giải pháp và chiến lược phát triển phù hợp với lộ trình hội nhập.

Thông qua các hình thức khác nhau như tổ chức các buổi họp báo, thuyết trình, cung cấp thông tin cho báo chí… để phổ biến, giải thích các cam kết gia nhập WTO và lộ trình thực hiện về các lĩnh vực tài chính; định kỳ công bố các chương trình, kế hoạch hành động của ngành liên quan tới thực thi các cam kết song phương và đa phương để các định chế tài chính có thể kịp thời nắm bắt và xây dựng cho mình một hướng đi thích hợp.

Ba là, đẩy nhanh cổ phần hóa các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tài chính trong nước bao gồm các NHTM nhà nước, các công ty bảo hiểm có vốn nước ngoài. Coi đây là kênh để nâng cao tiềm lực về vốn cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tài chính trong nước. Các NHTM Nhà nước cần khẩn trương đẩy nhanh cổ phần hóa, phấn đấu ngày càng nhiều ngân hàng được lên sàn giao dịch chứng khoán. Cùng với quyết tâm của Chính phủ, bản thân các NHTM Nhà nước cũng phải chủ động, tích cực hoàn thành việc định giá tài sản để chuẩn bị cho công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và tiến tới niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Một thực tế là giá cổ phiếu của các NHTM tăng và khối lượng giao dịch lớn, cho thấy những kỳ vọng của công chúng đối với các NHTM đang ngày càng được nâng lên.

Cuối cùng là, nhanh chóng cải cách tiền lương cho doanh nghiệp Nhà nước theo hướng thị trường để tránh tình trạng "chảy máu chất xám". Một thực tế hiện nay là các cán bộ, nhân viên trong lĩnh vực tài chính có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng giỏi, từng tu nghiệp ở nước ngoài đã lần lượt rời bỏ khối doanh nghiệp Nhà nước để đến với các công ty tài chính liên doanh cũng như các công ty 100% vốn nước ngoài do chế độ tiền lương cũng như đãi ngộ ở đó cao hơn hẳn khối doanh

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nghiệp Nhà nước. Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng như hiện nay, nếu Nhà nước không có chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân tài thì các tổ chức tài chính trong nước sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong cạnh tranh với các tổ chức tài chính nước ngoài có tiềm lực lớn, công nghệ hiện đại và nhiều lợi thế trong các sản phẩm dịch vụ mới cũng như kỹ năng quản lý, điều hành.

2.2.Về phía các tổ chức

Thứ nhất, nâng cao tiềm lực tài chính thông qua các kênh như cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu, liên kết để cùng lớn mạnh phát triển, đặc biệt đẩy mạnh phát triển mô hình liên kết Ngân hàng- Chứng khoán- Bảo hiểm để hình thành các tập đoàn kinh doanh lớn trong nước đủ sức cạnh tranh với các tổ chức tài chính nước ngoài.

Tự do hóa thị trường tài chính dẫn đến sự gia tăng số lượng các công ty bảo hiểm, các ngân hàng cũng như các công ty chứng khoán đồng nghĩa với việc gia tăng áp lực cạnh tranh. Với quy mô nhỏ, các công ty sẽ không thể cải thiện được năng lực của toàn ngành và tăng cường tính ổn định của thị trường tài chính Việt Nam. Do đó, các công ty bảo hiểm trong nước nên nghiên cứu nghiêm túc khả năng liên kết với các ngân hàng Việt Nam. Khái niệm "Bancassurace" không còn là điều mới mẻ tại Việt Nam. Đó là việc các Ngân hàng và các công ty bảo hiểm hợp tác với nhau phát triển và phân phối một cách hiệu quả các sản phẩm của cả hai lĩnh vực thông qua việc cung cấp cho cùng một cơ sở khách hàng. Một mặt sẽ hỗ trợ cải thiện khả năng tài chính của các công ty, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp các dịch vụ tài chính với nhau khiến cho các sản phẩm được cung cấp trở nên hấp dẫn hơn. Gần đây, rất nhiều các công ty Bảo hiểm nước ngoài và các ngân hàng đã liên kết dưới hình thức đó như: HSBC hợp tác với công ty bảo hiểm Mỹ AIA, Ngân hàng Đông Á (ECB) hợp tác với Manulife, Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) hợp tác với Prudential, Vietcombank là đại lý phân phối của Prudential…

Thứ hai, các tổ chức cung ứng dịch vụ trong nước cần có chiến lược quảng bá thương hiệu, phát triển khách hàng, không chỉ chú ý tới các khách hàng cũ,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

khách hàng truyền thống mà còn cần phát triển khách hàng mới, quan tâm tới dịch vụ chăm sóc khách hàng, dịch vụ hậu mãi.

Các công ty trong nước cần nâng cấp hệ thống và chương trình đào tạo của mình nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt hơn. Các công ty phải đặt mình vào vị trí của khách hàng để đánh giá phương thức phục vụ khách hàng nhằm xác định những khâu cần phải cải thiện hơn nữa. Mục tiêu không phải chỉ là phục vụ tốt khách hàng mà còn là nâng cao hiệu quả công việc. Có như vậy các doanh nghiệp tài chính mới có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp tài chính nước ngoài.

Thứ ba, chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại để theo kịp với xu hướng hội nhập đồng thời nâng cao khả năng ứng dụng thông tin của các nhân viên, cán bộ tài chính.

Trên thực tế, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của các doanh nghiệp tài chính Việt Nam đang tụt hậu hơn so với các đối thủ đến từ bên ngoài. Do vậy, một đòi hỏi đặt ra là các doanh nghiệp phải nhanh chóng giải quyết các vấn đề này. Cần phải có một chiến lược công nghệ thông tin rõ ràng nhằm thích ứng với những thay đổi trong tương lai.

Các tổ chức tài chính Việt Nam cần nhanh chóng nâng cấp và đồng bộ hóa máy móc thiết bị, chương trình phần mềm ứng dụng nối mạng các giao dịch bảo hiểm , ngân hàng cũng như chứng khoán thông tạo sự liên kết giữa các công ty, doanh nghiệp.

Đối với các ngân hàng, cần đẩy mạnh tiến trình hiện đại hóa hệ thống thanh toán đặc biệt là phát triển các kênh giao dịch điện tử, hoàn thiện xây dựng các phần mềm quản lý nghiệp vụ ngân hàng cơ bản (quản lý tín dụng, tài trợ thương mại, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng đầu tư, quản lý tài chính kế toán) và triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến đến hầu hết các chi nhánh.

Ngành chứng khoán tại Việt Nam còn mới mẻ và chưa phải thực hiện các cam kết tự do hóa theo WTO do vậy vẫn còn thời gian để củng cố cơ sở hạ tầng, công nghệ, đáp ứng nhu cầu cạnh tranh sắp tới. Đối với trung tâm giao dịch chứng khoán và sở giao dịch chứng khoán, cần trang bị hệ thống giao dịch tự động hiện đại, kết nối diện rộng với các thành viên, xây dựng hệ thống giám sát tự động kết

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nối với các hệ thống giao dịch, công bố thông tin. Đối với trung tâm lưu ký: cần tự động hóa hệ thống đăng ký, lưu ký và thanh toán bù trừ chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký chứng khoán chưa niêm yết, rút ngắn thời gian thanh toán, bù trừ chứng khoán nhằm nâng cao tính thanh khoản cho thị trường.

Bên cạnh việc đầu tư và nâng cấp hơn nữa hệ thống máy móc công nghệ thông tin, các doanh nghiệp cũng cần triển khai các chương trình đào tạo kiến thức công nghệ thông tin, xử lý các vấn đề liên quan đến máy móc trong quá trình làm việc.

Cuối cùng là chú trọng thu hút "chất xám" cố gắng giữ được nguồn nhân lực có trình độ thông qua cơ chế tiền lương và các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

KẾT LUẬN

Tự do hóa tài chính là một tất yếu khách quan không chỉ đối với các thành viên của WTO mà đối với tất cả quốc gia có ý định mở rộng quan hệ hợp tác song phương cũng như đa phương với phần còn lại của thế giới nhằm tìm kiếm những lợi ích to lớn tiềm tàng. Việt Nam cũng như Hàn Quốc 10 năm trước đã nhận thấy lợi ích từ việc tự do hóa tài chính đối với sự phát triển kinh tế của mình. Sau hơn một năm gia nhập WTO, Việt Nam đã nỗ lực thực hiện những cải cách trong hệ thống tài chính nhằm thực hiện tốt các cam kết về tự do hóa tài chính.

Quá trình tự do hóa tài chính của Việt Nam đã diễn ra theo đúng lộ trình đã cam kết và đã đạt được những thành công ban đầu. Hệ thống tài chính Việt Nam trở nên minh bạch hơn, cạnh tranh hơn và đang từng bước được hiện đại hóa nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập ngày càng cao trong kỷ nguyên công nghệ. Để có được thành quả như ngày hôm nay, các nhà quản trị tài chính Việt Nam đã thực hiện những cải cách mang xu hướng tự do hóa một thời gian trước đó bởi lẽ tự do hóa không phải diễn ra trong một thời điểm nào đó mà là cả một quá trình. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, quá trình tự do hóa tài chính tại Việt Nam- một quốc gia đang trong quá trình phát triển không thể tránh khỏi những hạn chế như đã được đề cập trong khóa luận.

Một năm vừa qua mới chỉ là giai đoạn đầu của quá trình thực hiện các cam kết tự do hóa tài chính theo WTO. Trong thời gian tới, mức độ mở cửa sẽ cao hơn rất nhiều đồng nghĩa với việc các tổ chức tài chính nước ngoài sẽ gia tăng trên thị trường tài chính Việt Nam, được đối xử công bằng và sẽ gây áp lực cạnh tranh lên các tổ chức tài chính nội địa. Để có thể thực hiện thành công quá trình tự do hóa tài chính trong thời gian tới, Chính phủ cũng như các định chế tài chính trong nước cần lên kế hoach rõ ràng, chi tiết và đưa ra những biện pháp phù hợp cho từng thời kỳ trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia đi trước.

Do hạn chế về mặt thời gian và kiến thức, khóa luận này không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Trần Quang Minh- TS. Ngô Quang Bình (2004), *Tái cơ cấu hệ thống tài chính Hàn Quốc sau khủng hoảng tài chính 1997- 1998. Những kinh nghiệm và gợi ý cho Việt Nam,* NXB Khoa học xã hội.

2. Viện nghiên cứu tài chính (2001), *Tự do hóa dịch vụ tài chính trong khuôn khổ WTO: Kinh nghiệm các nước*, NXB Tài chính.

3. Lee Rong Wang (3/2007), *Financial liberalization under the WTO and Its relationship with the Macro Economy*

4. Dukgeun Ahn (2004), *GATT/WTO Dispute Settlement and Korea: From passivity to Aggression,* CDAMS Discussion Paper.

5. *Korea Report* (2001), The Ministry of Finance and Economy.

6. (2003), *Institution Building in the Financial sertor: The Korea's case*, The Ministry of Finance and Economy.

7. Yun Hwan Kim (2002), ERD Working Paper No. 24: *Financial opening under the WTO Agreement in selected Asian countries: Progress and Issues*, Asian Development Bank.

8. TS. Đặng Thị Nhàn, *Tác động của xu thế tự do hóa tài chính đến việc thực thi một số chính sách tài chính tiền tệ ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 29

(3/2008).

9. TS. Trịnh Thị Thu Hương, *Bancassurance- Xu hướng mới cho sự phát triển của doanh nghiệp Bảo hiểm và Ngân hàng hậu WTO*, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 22.

Một số tạp chí khác: Tạp chí kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, Tạp chí ngân hàng, Thông tin tài chính, Thị trường tài chính và tiền tệ, Phát triển kinh tế

Một số website:

1. www.wto.org
2. www.mof.gov.vn
3. www.hanquocngaynay.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

4. www.vietnamnet.vn

5. www.taichinhvietnam.com

6. www.avi.org.vn

7. www.sbv.gov.vn

8. www.vneconomy.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com